

THUẬT TÁN

KINH ĐẠI BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA

PHẦN LÝ THỨ BÁT NHÃ

QUYỂN 2

Kinh viết: “Thị Bạc Già Phạm trụ đỉnh dục giới trong cung trời tha hóa tự tại”

Tán rằng:

Từ đây trở xuống là phần thứ tư, nói rõ về giáo xứ. Ở trong hóa độ, tóm nêu bốn đức, để hiển bày sự đặc biệt của kinh. Nói về Hóa thắng xứ (nơi đặc biệt để hóa độ) để biểu thị Báo thân và Pháp thân, độ cũng bao hàm là thật đức.

- Đặc biệt thứ nhất là xứ Tôn; vì ở tại cung Tha Hóa của trời dục cực.

- Đặc biệt thứ hai là Đồng cư; vì đó là điện báu lớn, nơi chư Phật du hội.

- Đặc biệt thứ ba là Nghiêm lệ; vì có đủ các ngọc Mạt ni vô giá và các báu.

- Đặc biệt thứ tư là Ái trọng; vì là nơi vui sướng của hiền thánh thiên tiên.

Ở đây nói về xứ thứ nhất là Tôn Thắng.

- “Thị Bạc-già-phạm” : là chỉ cho giáo chủ, người năng thuyết.

- “Trú” : có nghĩa là chỗ ở, nơi dừng lại, nương tựa.

- “Dục” : là tham ái, tức là tham về dâm, về ăn uống.

- “Giới” : nghĩa là chủng tộc, nòi giống, cương lĩnh, phạm trù.

Giới do dục sinh ra, năng sinh ở dục, nên gọi là “Dục giới”.

- “Đỉnh” : là đỉnh đầu, chỗ cao chót vót, nơi cao nhất trong cõi trời lục dục thuộc cõi dục, gọi là “Đỉnh dục giới”. Tuy nói là thắng xứ. Nhưng vẫn chưa rõ tên, vì chỉ hiển hiện tên của trời. Phần tiếp theo của kinh nói về phước lực của chư Thiên ở cõi trời Tha Hóa; cần muốn điều gì, liền theo ý muốn mà hiện ra. Nghiệp của cõi trời thứ năm đã thù

thắng; nhưng cũng không tùy theo ý muốn mà vật hóa ra, phải dùng lực biến hóa của mình biến ra các đồ vật cần dùng. Nghiệp của cõi trời thứ sáu này càng thù thắng hơn, vừa có các đồ dùng tùy theo ý muốn hiện ra, lại cũng có thể tự mình biến hóa các đồ vật khác dù mình không thọ dụng; hoặc chủ yếu đợi các trời khác biến làm nhạc cụ, rồi tự mình mới thọ dụng; vì nghiệp lực hơn. Do có nghĩa như vậy, nên gọi là “cõi trời tha hóa”. Ở trong cõi trời đó, có sự sang, hèn. Vua tôi riêng biệt. Thế Tôn ở tại nơi tôn quý của cõi trời đó, chẳng phải ở nơi thấp hèn như ư; cho nên kinh nói “trong cung vua trời”; điều này muốn hiển bày là pháp đức Phật thuyết giảng ở chỗ cực kỳ tôn quý chẳng phải ở chỗ thấp. Như khi đã chứng Bồ-đề thì ngồi tòa kim cương; thuyết giảng pháp thì phải ở cung trời Tha Hóa; như “y thắng xứ” trong kinh “Thập Địa” vậy! Đó là biểu thị báo thân trú trong Tịnh độ vô lậu; đồng thời cũng là biểu thị cho pháp thân trú ở pháp giới thanh tịnh, nơi lìa tham dục cực kỳ rốt ráo. Người chứng được pháp đó có thể làm những việc lợi cho người khác. Cũng vì lợi cho người khác, mà ở nơi Tịnh độ và pháp tính, trí vô phân biệt và trí Hậu đắc thân dụng vô phương gọi là tự tại. Đó là cung thất của chư vị pháp vương của các cõi trời từng ở. Cho nên các kinh còn nói: “lấy sự rốt ráo rộng lạng làm nhà ở” vì ba thân làm lợi cho vật, mỗi cách đều có sự khác nhau, cho nên nơi ở của quốc độ cũng khác nhau, ở tại cung trời là ý nói ở nơi tôn quý có pháp hơn hết. Nói ở nơi đỉnh của giới, là để nói sự sâu xa của diệu lý.

Kinh viết: “Nhất thiết Như Lai tăng sở du xứ hàm cộng xưng mỹ đại bảo tàng điện”

Tán rằng: Đó chính là sự đặc biệt thứ hai “Đồng cư” cùng ở.

- “Thường” là từng
- “Du” là du chơi
- “Xứ” là chỗ nghỉ ngơi.

Nơi chỉ có một vị Phật ở, các vị Phật khác không ở; thì chẳng phải là nơi tốt. Nay nói, chư Phật quá khứ hiện tại trong mười phương đều đã từng ở cung trời Tha Hóa Tự Tại để du chơi an nghỉ; chư Thánh đều cùng đến; cho nên biết là nơi đặc biệt. Giả sử sau này chư Phật hiện, nhưng không ở, thì cũng luôn khen ngợi cung đó là đẹp đẽ.

- “Xưng” là xưng danh, là ca ngợi.
- “Mỹ” là khen đẹp.

Trong cung vua trời có vô số phòng, nay Phật Đại Bảo tàng Điện của cung trời đó, là nơi được tạo thành do các đồ trân quý, nên gọi là “Báu”, lấy báu làm chỗ chứa, nên gọi là “Bảo tàng”. Bảo tàng chính

là tên của cung điện, gọi là “Bảo tàng điện”. Điện đã cao rộng, lại còn được trang trí bằng những thứ quý báu, nên gọi là “Đại bảo”. Phật trú ở trong cung điện Đại Bảo Tàng của trời. Ý đó là biểu thị chung về trí vô phân biệt và trí hậu đắc của báo thân và pháp thân, ở nơi mà chư Phật quá khứ và hiện tại đã từng ở, đều đã khen ngợi cái đẹp của cung điện Đại Bảo Tàng, đồng thời cũng để hiển bày nơi cùng ở, cùng khen ngợi của chư Phật; cho nên biết đó là nơi đặc biệt. Thân thọ dụng của đức Phật trú ở Báo thổ, và Trí Hậu Đắc phân biệt nghĩa lý của pháp tính, gọi là “Du”. Trí vô phân biệt trú ở đất pháp tính, diệu dụng như lý gọi là “Xứ”. Bởi vùng đất thọ dụng có đủ mười tám đức, vùng đất của pháp tính bao hàm vạn điều lành; do đó chư Phật thường cùng ca ngợi hai vùng đất đó, cho nên nói là “cộng xưng mỹ”. “Xưng” là xưng dương; nghĩa là không gì bằng, không nơi nào bằng. “Mỹ” là ca ngợi, khen ngợi, mượn lời để nói về thật đức. Rộng như pháp giới gọi là “Đại”. Tạo thành bởi vạn đức, gọi là “Bảo”. Dung chứa bao gồm cả các thiện gọi “tàng”. Cái phòng của sự rộng lặng gọi là “Điện”. Báo thân và pháp thân; Sơ trí và Hậu trí thường ở chỗ đó, thuyết pháp lợi người. Chư Phật cùng ở, là nói lên cùng đến mà ở.

Kinh viết: “Điện đó được tạo thành do ngọc Mạt ni vô giá cùng nhiều loại trân châu trang trí xen tạp”

Tán rằng: Đây là đặc biệt thứ ba: sự trang nghiêm. Trong đó gồm có ba: một là nói rõ về sự trang nghiêm chung. Hai là liệt kê về những trang nghiêm riêng. Ba là những sự trang nghiêm còn lại.

- Về trang nghiêm chung: tiếng Phạm gọi là Ma Ni. Trung Hoa gọi là Như ý. Điện đó được tạo thành bởi ngọc thần Như ý vô giá; còn gia thêm bốn báu: Đế thanh, Đại thanh, Thạch tàng, Ngổ tàng cùng với bốn màu sắc, bảy thứ ngọc trân, bảy ánh sáng trang nghiêm xen lẫn, với những màu sáng đỏ tía lấp lánh. Ý này biểu thị chung về cung điện của pháp tính nó giống như ngọc Như ý, được trang nghiêm bằng vạn đức vô vi. Cung điện thuộc vùng đất thọ dụng, lấy Bát-nhã làm thể, giống với ngọc Ma ni kia. Còn các thiện thuộc hữu vi là dụ cho những đồ trân quý trang trí xen lẫn ở trong cung điện đó. Hai cung điện lớn là chỗ ở của hai thân; như ngọc Như ý, tất cả đều đắc được theo ý muốn của mình. Ngọc Ma ni vô giá còn trang trí thêm các đồ trân quý, là trí phải trang nghiêm thân vạn đức; đó là sự trang nghiêm chung.

Kinh viết: “Các màu sắc lấp lánh, phóng ánh sáng lớn”

Tán rằng: Đây là phần thứ hai nói về sự trang nghiêm riêng. Trong đó gồm có mười bốn thứ trang nghiêm riêng. Ở đây có hai thứ

trang nghiêm: Bảy loại ngọc xen lẫn, cho nên nhiều màu sắc lấp lánh. Bốn sự soi sáng huy hoàng, nên phóng ánh sáng lớn. Và lại chính đồ tía tương tạp mới nói đến lấp lánh; chính màu vàng tinh khiết thoát ra lìa khỏi chất mà phóng ánh sáng lớn. Ý này là biểu thị chung về pháp tính không có sự dính mắc các duyên. Niết-bàn phân tử thí như tiếp nhận sự lấp lánh của các vật để thành các màu sắc. Lại trí phân biệt được chơn và tục tợ như nhiều màu sắc lấp lánh; cả hai cái đó cùng hợp lại thành, như màu sắc phóng ánh sáng vậy. Vừa có cái công chiếu sáng lại còn kiêm luôn cả cái sức phá tan bóng tối. Hai câu đó chính là sự trang nghiêm thứ hai.

Kinh viết: **“*Chuông lắc báu, chuông rung vàng treo bày khắp nơi, gió hiu hiu thổi lay, xuất ra tiếng hòa nhã*”**

Tán rằng: Ở đây có bốn thứ trang nghiêm: Một là treo chuông lắc báu, hai là bày chuông rung vàng, ba là gió hiu hiu thổi lay và bốn là âm thanh phát ra hòa nhã.

Đã leng keng thành tiếng thì nên quán nghe để sáng tâm. Chuông lắc báu cũng giống như ý vận lục thông. “Chuông rung vàng” làm chấn hải phi hổ tứ biện. “Khắp nơi”; nghĩa là tùy cơ đem lợi lạc đến cứu vớt chúng sanh thương xót mà tuyên dương chân lý. Còn nói “Treo bày” là kén chọn chỗ hiển hiện. Nếu không có, ngọn gió đại bi thổi quạt, thì âm thanh của bảy biện không phát ra. Nên biết là đạo cảm ứng thành thì phải đầy đủ cái đức kia của Trí và Bi. Nói bảy biện là: Biện luận ngay tức khắc; biện luận nhanh chóng; biện luận thích hợp; biện luận không sai sót; biện luận không đoạn tận; biện luận trong khi diễn thuyết để bảo vệ nghĩa; biện luận đặc biệt hay nhất trên tất cả thế gian. Các ý nghĩa về lục thông sẽ giải thích sau.

Kinh viết: **“*Lọng lụa, hoa-cờ-phướn lụa; tràng hoa phát ngũ sắc, châu báu; chuỗi ngọc; trăng bán nguyệt; trăng tròn đầy*”**

Tán rằng: Ở đây có tám thứ trang nghiêm: Lọng che tròn viền lụa dây; cờ phướn gió thổi cong lên giống hình cầu vồng; “Tràng hoa” như ngàn mây; “Phát ngũ sắc” kéo lê dưới đất; “ngọc báu” lấp lánh như những vì sao; chuỗi ngọc trong suốt hơn cả gương vàng; văng thụy cùng nâng ánh trăng bán nguyệt; ngọc xanh treo trang nghiêm như ôm nét đẹp trăng tròn. Đó chính là sự trang nghiêm đẹp đẽ của Hóa thổ sở cư thiên cung.

Ý trên là sự hiển bày chung về hai vùng đất của Pháp thân và báo thân. Bốn vô lượng tâm như cái lọng lụa hoa che chở cho quần sinh. Bốn tổng trì như cờ phướn lụa để chuyển các ác. Ba Tam-ma-địa dụ cho

tràng hoa kia, vì được trang sức bởi trăm ngàn công đức. Bốn loại nhiếp sự là dụ cho Phát ngũ sắc, bởi rủ xuống khắp các loài phủ sạch bụi trần, Bốn tổng trì, ba tam muội, sẽ giải thích phần sau. Bốn vô lượng và bốn nhiếp sự thì chúng ta đã biết. Ba niệm trụ là “ngọc báu” vì mọi lúc đều bình đẳng. Bốn hoàng thệ nguyện là chuỗi ngọc, vì nó hỗ trợ cho các hạnh. Vô úy là “trăng bán nguyệt” vì có thể phá ngoại đạo, tiêu trừ ác. Mười lực là “trăng tròn đầy”, vì có thể phá thiên ma, trừ bỏ các ác. Lấy lục độ làm “ngọc báu”, vì gồm thấu suốt cả vạn hạnh. Ba niệm trụ; một phần là khen ngợi nhưng không ưa thích; một phần là chê bai nhưng không sanh sân giận. Ở trong một hội, nửa chê nửa khen, cũng không yêu không ghét; trong ba niệm đó, chỉ trụ niệm đại xả gọi là niệm trụ. Bốn hoàng thệ nguyện là:

1. Chưa lia khổ, nguyện lia.
2. Chưa đắc lạc, nguyện đắc.
3. Chưa phát tâm tu đoạn, nguyện phát tâm tu đoạn.
4. Chưa thành Phật, mong sớm thành Phật. Mười lực vô úy phần sau sẽ biết. Trên đây là sự trang nghiêm đặc biệt thứ hai.

Kinh viết: **“Nhiều loại trang sức khác dùng cho sự trang nghiêm”**. Tán rằng: Đây là trang nghiêm đặc biệt thứ ba khác. Ngọc Ma ni đã trang nghiêm đại diện đẹp đẽ như vậy, còn trang trí thêm những chi tiết khác như cửa sổ, nóc, mái, lan can, có đủ chính là hiển bày sự giải thoát thẳng xứ, biến xứ, vô tránh, nguyện trí, vĩnh viễn dứt bỏ tập khí, tất cả diệu trí, trăm ngàn công đức. Những thứ đã trang nghiêm cho hai vùng đất hữu vi vô vi; lý nó là như vậy.

Kinh viết: “Là nơi mà Hiền Thánh Thiên tiên đều ái lạc”

Tán rằng: Đó chính là sự đặc biệt thứ tư Bảo trọng. Phạm phu thuộc năm thừa gọi là Hiền; chứng quả ba thừa gọi là Thánh, cõi cao nhất trong năm cõi gọi là “Thiên”. Người có đức của thần gọi là “Tiên”. Quý mà trọng gọi là Ái. Khao khát mong cầu gọi là Lạc. Phạm hay thánh trong ba thừa đều rất ưa thích mong chứng được vùng đất hóa đó, gọi là Ái lạc. Đó là nói về hai thân pháp và báo tùy ưng với vùng đất đó.

Kinh viết: “Cùng đủ tám mươi ức đại Bồ-tát”

Tán rằng: Phần thứ năm dưới đây là nói về chỗ giáo hóa những căn cơ kia. Trong kinh này là nói cho cả phạm lẫn thánh như kinh nói sau đây: “Chư đại Bồ-tát kim cang thủ đẳng và dư thiên chúng, nghe Phật thuyết, đều tin nhận phụng trì”. Kim cang thủ đẳng là chúng Thánh Nhân. Dư thiên đẳng là chúng phạm phu. Nên biết là hội này gồm cả

phàm lẫn Thánh. Lại nữa xứ Hóa này ở cung Tha hóa; về lý hiển nhiên hiện rõ chỗ ở vùng đất hóa. Thiên cung chẳng phải là tịnh độ. Nếu theo kinh Thập Địa thì chư đại Bồ-tát phải ở Hóa xứ, không nói là Thiên cung. Nay lại nói thiên cung là nói phàm phu đều ở “uế thổ”. Ở đây chỉ nói chúng Bồ-tát tụ hội, vì giáo lý quá sâu thẳm, người ngu không thể đo lường được nên chỉ đưa ra hàng Bồ-tát, thích hợp cho sự thông suốt căn cơ. Nêu sự đặc biệt của Hóa xứ, mà nói thiên cung, vì muốn nói lên sự tôn quý của thánh chúng, nên chỉ nói là Bồ-tát, chứ không phải Thế Tôn chỉ giáo hóa cho Bồ-tát mà thôi.

Trong phần căn cơ kia, thế văn có bốn: 1. Nói về số; 2. Trình bày đức; 3. Liệt kê tên gọi; 4. Chương quỹ.

Câu nói về số này chỉ số lượng. “Dữ” nghĩa là cùng và hội. Một ức là mười vạn, tám mươi ức là tám trăm vạn. Chữ “Đại” lược nói có bốn nghĩa:

- Số nhiều: vì có tới tám trăm vạn Bồ-tát tập hội để nghe pháp.
- Đức lớn; vì đều có đủ tổng trì các công đức lớn.
- Nghiệp lớn: vì đều có đủ biện tài hay khéo, thuyết pháp làm lợi cho chúng sinh.
- Danh lớn: Như kim cang thủ ngang bằng mười địa đầy đủ tên gọi.

“Bồ-tát câu”; là hiển hiện giáo lý thâm diệu, đủ đủ căn cơ thượng thặng vì muốn làm cho hữu tình đắc được pháp hiếm có, siêng năng cố gắng, tin nhận, thực hành.

Kinh viết: “Tất cả đều đủ các môn Đà-la-ni; môn Tam-ma-địa, vô ngại diệu biện”.

Tán rằng: Dưới đây là trình bày về Đức; gồm có hai phần: phần đầu liệt kê tên gọi, phần sau là lệ chỉ. Nói về tên “Đà la ni”; Trung Hoa gọi là tổng trì, lấy niệm tuệ làm tính. Gồm có bốn thứ: Pháp-nghĩa và Minh-chú; có thể đắc được Bồ-tát nhãn. “Pháp” nghĩa là năng thuyên; bởi ở trong một Danh, trì cả các danh. “Nghĩa” là sở thuyên; ở trong một nghĩa, trì các nghĩa. “Chú”; như nói dưới đây: có thể đắc Bồ-tát nhãn; nghĩa là, có một chú mau đắc Bồ-tát vô sinh pháp nhãn. Di Lạc Bồ-tát thuyết: “Nhất chi mật chi cát chi tư sần Đế Bác Đà Nị Sa ha”.

“Tam-ma-địa”, Trung Hoa gọi là đẳng trì, xưa dịch là Tam muội. Nghĩa là các định hữu lậu vô lậu, đều có thể bình đẳng trì tâm ở cảnh gọi là Đẳng trì, nghĩa là ngang bằng với Đại không, ngang bằng với ba tam muội.

“Vô ngại diệu biện” nghĩa là; lời pháp, nghĩa biện thuyết vô ngại.

Hai đức đầu là hạnh lợi mình, đức thứ ba là hạnh lợi người. Ba thể tính đó là y xứ, tu pháp, đắc vị. Nhất thiết nghĩa môn sẽ nói ở đoạn khác.

Kinh viết: “Những loại như vậy, vô lượng công đức; giả sử trải qua nhiều kiếp, thuyết cũng không thể hết”.

Thuật viết: Đây chỉ là Lệ. “Kiếp” là chỉ khoảng thời gian. Bồ-tát tu Nhân, thời gian và hạnh đều to lớn; cho nên khen ngợi công đức trải qua nhiều kiếp không cùng; nghĩa là vô sinh Nhẫn chuyển pháp luân, e văn rườm rà nên chỉ nói qua. Vì sao cần phải khen ngợi công đức của Bồ-tát? Vì để xả bỏ tâm khinh mạn của chúng sanh; có người nói rằng: “Các chúng Thanh văn tu phạm hạnh lâu, các chúng Bồ-tát phải kính lễ”; lại còn khiến cho chúng sanh khởi tâm thanh tịnh. Bồ-tát một mực có công đức như vậy, hướng chi là Như Lai. Cho nên các hữu tình phải hết lòng đem thân quay về cùng nguyện để mau chứng.

Kinh viết: “Tên chư vị Bồ-tát đó là: Bồ-tát Ma ha tát Kim Cang Thủ; Bồ-tát Ma ha tát Quán Tự Tại, Bồ-tát Ma ha tát Hư Không Tạng, Bồ-tát Ma ha tát Kim Cang Quyền, Bồ-tát Ma ha tát Diệu Cát Tường, Bồ-tát Ma ha tát Đại Không Tạng, Bồ-tát Ma ha tát Phát tâm liên chuyển pháp luân, Bồ-tát Ma ha tát Diệt hết tất cả oán ma”

Thuật viết: Đây là phân liệt kê tên, gồm có tám vị. Nêu các đặc biệt của nó.

Nói “Bồ-tát Ma ha tát”; có nghĩa Bồ-đề là giác, tức là Nhất thiết trí. Tát đỏa là hữu tình; tức những hữu tình cầu Bồ-đề, đó là những người thông cả ba thừa. “Ma ha” là Đại tát đỏa. Đại gọi tắt của Ma ha tát. Lại nữa, Bồ-đề là cầu quả trí cảnh. Tát đỏa là cứu vớt hữu tình bị cảnh; chính là hai đức lợi mình lợi người. Lại nữa, Tát đỏa; nghĩa là mạnh mẽ, vì tinh tấn dũng mãnh cầu đại Bồ-đề, nên gọi là Bồ-tát. Hai giải thích sau, thông cả phạm lẫn thánh.

“Kim Cang thủ”. Nghĩa của chữ thủ (tay) là lấy, là nắm, cầm bởi thường đưa tay tín lấy các công đức, đưa tay trí tuệ cầm và nhận pháp tính vốn là kim cương. Lại nữa, vì hai tay Tín và Trí giống như kim cương, kiên cố khó hoại, chẳng bị bọn tà ác có thể làm cho hư hoại.

“Quán tự tại” tức Quán Thế âm. Quán là quán sát; quán thân, ngữ, tâm tính của các hữu tình, khi chịu khổ hoặc khi cầu nguyện, thì ứng thời đến vớt vớt, gọi là Quán tự tại. Vì thần dụng của ngài khắp nơi, đều đắc tự tại.

“Hư không tạng” lấy hư không làm kho tàng, chứa các đồ quý giá. Khi thấy các hữu tình nghèo không có tiền của, từ trong hư không mưa các loại báu vật cho các người nghèo khổ thiếu thốn.

“Kim cang quyền”: Quyền là nắm tay, có khả năng đấm nát, phát khởi quả đấm trí tuệ kiên cố đấm phá tan nghiệp sinh tử phiền não; ví như dùng quả đấm kim cang đấm tan các vật vậy mà đặt tên!

“Diệu cát tường” chính là Văn Thù Sư Lợi, trước kia gọi là “Diệu Đức”. Diệu nghĩa là khéo; do khéo làm những việc phước lợi nhiều ích cho hữu tình, nên gọi là Diệu cát tường.

“Đại không tạng”: Đại không chính là đầy khắp cả pháp giới. Lý không của chân như lấy đó làm kho chứa; vì các hữu tình mà thuyết pháp Đại không; nhờ sự bố thí pháp, khiến cho các hữu tình đều thu gặt được nhiều loại của cải thuộc Thánh pháp gọi là Đại không tạng.

“Phát tâm liền chuyển pháp luân”: Luân nghĩa là đưa đẩy, di chuyển. Pháp nghĩa là giáo pháp. Pháp luân là theo như pháp mà luân chuyển việc nói pháp cho Bồ-tát từ lúc mới bắt đầu phát tâm, cho đến lúc đạt địa thứ mười; tất cả hành vi thuộc nghiệp của thân ngữ ý đều vì hữu tình mà thuyết lý thâm diệu, chuyển đại pháp luân, làm việc lợi ích.

“Bồ-tát diệt hết tất cả ma oán”: Ma nghĩa là bốn loại ma như đã nói ở phần trước. Bốn ma đó, có thể phá các việc thiện của chúng sanh, là kẻ thù của chúng sanh. Đại Bồ-tát đó phải trụ tâm kim cang. Lìa xa sự phân đoạn tử và các phiền não nên có thể diệt hết tất cả ma oán.

Trong tám tên gọi ở trên: Kim Cang thủ trí lấy thiện làm tên gọi. Quán tự tại lấy bi cứu khổ, làm hiệu. Hư không tạng giúp nghèo làm tên gọi. Kim Cang quyền là phá ác. Diệu cát tường là tác thiện. Đại không tạng là hiển chơn. Chuyển pháp luân là thuyết pháp làm lợi. Đẩy lùi các ma oán- hại giặc là có ích. Hoặc trí tuệ và từ bi làm thành một đối; hoặc hiển chơn và hiển vọng làm thành một đôi. Vì nắm tay (quyền) như là vọng pháp; hoặc hiển hữu vi, vô vi thiện pháp thành một đôi, hoặc tấn thiên, phá ác thành một đối. Tùy theo đối tượng thích ứng của chúng mà đúng với tên gọi và biết được ý nghĩa của chúng.

Kinh viết: “Như vậy làm thượng thủ, có tám trăm vạn đại Bồ-tát vây quanh trước sau”

Tán nói: Đây là phần (vây quanh) chương quý. Tám trăm vạn là tám mươi ức (8 triệu). Nói trước sau là vì lấy phương hướng làm đầu, cho nên có trước sau. Đều thấy Thế Tôn ngồi ở trước nói pháp. Đã không cùng hướng làm sao có trước sau. Như các sao đều cùng hướng về trăng sáng; như dùng núi vàng để nói núi Diệu cao; như chúng Phạm vây quanh Phạm vương, cũng tựa chư Thiên vây quanh vua trời. Phải tôn người và trọng đạo, khát khao pháp lợi ích hiếm có, một lòng chăm

chú nghe để tới được chỗ sâu xa.

Kinh viết: “Tuyên thuyết chánh pháp; đầu, giữa, sau đều là thiện; văn nghĩa hay khéo, thuần nhất viên mãn; phạm hạnh trong sạch”.

Tán nói: Đây là phần thứ sáu khen ngợi đức hơn hẳn của Pháp. Tuyên thuyết chánh pháp là câu nói chung; san định thành quy tắc, là sự phân biệt lệch lạc, gọi là chánh pháp. Tuyên là hiển hiện những điều chưa được nghe là cái trí mới bắt đầu mở; thuyết là làm rõ cái lý đã có từ xa xưa, là người ngộ đạo đã lâu.

Bài kệ thứ tám mươi ba của Luận Du Già Sư, viết rằng: 1. Sơ thiện; 2. Trung thiện; 3. Hậu thiện; 4. Văn xảo; 5. Nghĩa diệu; 6. Thuần nhất; 7. Viên mãn; 8. Thanh tịnh; 9. Tươi sáng; 10. Phạm hạnh.

Luận đó giải thích rằng: Sơ thiện; nghĩa là sau khi nghe sinh ra hoan hỷ; do pháp thù thắng nên mới được nghe đã sinh vui vẻ.

Trung thiện; là khi tu hành, không gian nan khó khăn, xa lìa nhị biên. Nương dựa vào trung mà thực hành để cầu xuất thế, nên gọi là trung thiện.

Hậu thiện là cực kỳ rốt ráo, bởi lìa các cấu uế và tất cả cứu cánh lìa dục vì bờ sau. Nghĩa là lời Phật dạy; về lý cực kỳ rốt ráo, về tính lìa các cấu uế, có thể hiện rõ Niết-bàn. Người nương vào đó mà tu hành thì có thể lìa dục.

Văn xảo; nghĩa là lời văn hay khéo biên tập rõ ràng.

Nghĩa diệu; nghĩa là có thể dẫn phát để đạt được những lợi lạc đặc biệt.

Thuần nhất; nghĩa là khác với tất cả ngoại đạo, những giáo lý Phật thuyết giảng, chỉ có đức Phật mới thuyết được, còn các ngoại đạo không thể thuyết được. Pháp được đức Phật thuyết không xen tạp các pháp tà ác của ngoại đạo.

Viên mãn; nghĩa là vô hạn lượng, đặc biệt quý giá nhất, ý nghĩa thâm sâu vô lượng, người tu học pháp đó công đức vô lượng, cho nên rất đặc biệt tôn quý.

Thanh tịnh; vì tự tính đã được giải thoát, cho nên thuyết pháp dù trong một sát na, cũng không lầm lỗi nào; lìa được ba độc căn bản, lìa các sự trói buộc; cho nên tính giải thoát chẳng có ba độc mà khởi thuyết pháp.

Tươi sáng; sự trói buộc đã được giải thoát; thì chẳng phải chỉ một niệm không bị mắc lỗi lầm, mà những niệm liên tục vẫn lìa xa sự lỗi lầm. Lại nữa, pháp thể thanh tịnh trước đã lìa khỏi sự lỗi lầm, sự tươi sáng ở trong đó, khiến cho thân của cái giác cũng được tươi sáng.

Phạm hạnh; là tám chi Thánh đạo, xuất ra thể của phạm hạnh. Nên biết, đạo ấy là do thuần nhất, bình đẳng với những hiển hiện của bốn loại diệu tướng được thuyết. Tám thánh đạo tên gọi là Phạm hạnh. Nếu nương theo cách giải thích đó, thì không giống cách giải thích xưa: chín đức trên là hiển bày chung những cái hơn hết của kinh.

Kinh viết: “Bấy giờ, đức Thế Tôn vì các Bồ-tát thuyết Nhất thiết pháp thậm thâm vi diệu Bát-nhã lý thú thanh tịnh pháp môn. Môn đó chính là cú nghĩa Bồ-tát”.

Tán rằng:

Dưới đây là nói về phần thứ hai ứng cơ quảng thuyết. Trong đó gồm có mười bốn đoạn kinh, chia làm ba phần. Sáu đoạn đầu nói rõ cảnh của Bồ-tát; sáu đoạn tiếp nói rõ hạnh của Bồ-tát; hai đoạn sau cùng nói rõ quả của Bồ-tát. Nghĩa lý của tất cả giáo pháp của đức Phật đều nằm trong ba phần đó.

Trước hết thuyết về cảnh, là để biết được pháp nhiệm hay tịnh; nhân quả thiện hay ác; cái đáng thích hay đáng chán; cái đáng tu hay đáng bỏ. Tiếp đó, thuyết về Hạnh để nương vào cảnh mà khởi sự tu hành pháp dứt bỏ. Sau cùng thuyết về quả, để biết mà thực hành, hạnh sẽ đắc được cái tướng của quả thù thắng.

Sáu đoạn đầu nói về cảnh, lại chia làm ba phần: Hai đoạn đầu nói về cảnh của thể. Thứ nhất là thậm thâm vi diệu thanh tịnh pháp môn; tức là thể của cảnh đối vọng hiển chơn, chơn như thật tướng. Đoạn thứ hai là tịch tĩnh pháp tính hiện đẳng giác môn; tức là trừ ám tối, hiển bày thể của cảnh quán chiếu chánh trí. Chơn như là tính, chánh trí là tướng. Nói có trước có sau, đều là chuẩn nên biết. Hai đoạn kế tiếp nói về cảnh của hạnh. Đoạn thứ ba là Điều phục chúng ác phổ thắng pháp môn. Do quán thật tướng mà chế phục được các điều ác. Đoạn thứ tư là bình đẳng trí ẩn thanh tịnh pháp môn. Do quán, quán chiếu trí tuệ được chiếu sáng. Hai đoạn sau cùng nói về cảnh của quả.

Đoạn thứ năm là pháp vương quán đảnh Trí tàng pháp môn; hiển bày do hai hạnh đắc quả tài vị. Thứ sáu Như Lai trí ẩn kim cương pháp môn. Hiển bày do hai hạnh mà đắc quả tự thể. Đoạn sáu đoạn tiếp nói về hạnh, lại chia làm ba phần; hai đoạn đầu nói về nương vào thật tướng, tướng của tu đoạn. Thứ bảy Ly chư hý luận luân tự pháp môn; bởi nhờ ở quán vô tướng, mà đoạn dứt phân biệt. Thứ tám nhập Quảng đại luân bình đẳng pháp môn, bởi nhờ ở quán bình đẳng mà tu chứng chơn. Hai đoạn tiếp nói về nương vào Quán chiếu, tướng tu đoạn. Thứ chín chơn tịnh cúng dường vô thượng pháp môn; bởi do nương vào quán

chiếu tu chơn cúng dường. Thứ mười, năng thiện điều phục trí tạng pháp môn; bởi do nương vào quán chiếu có thể trừ sân hận. Hai đoạn sau cùng nói về nương vào tướng biến tu của hai pháp. Thứ mười một; tính bình đẳng, tính tối thắng pháp môn; bởi do tu quán thật tướng, tất cả người và pháp bình đẳng, đầy khắp. Thứ mười hai, hữu tình trụ trì thắng tạng pháp môn; bởi do tu quán, quán chiếu khắp các pháp và người, đều là thiện duyên. Do trước quán sáu cảnh mà khởi sáu hạnh.

Hai đoạn sau cùng nói về đắc quả. Thứ mười ba vô biên vô tế cứu cánh pháp môn; bởi khi đắc quả thứ hai, vì sâu rộng thông suốt một vị, cực kỳ thù thắng, cho nên là đức của quả tự lợi. Thứ mười bốn thâm tâm lý thú vô thượng pháp môn; đã đắc hai quả rồi; thì lợi mình lợi người là chúa của ba cõi tùy theo những mong nguyện của các hữu tình, đều chứng được đức của quả lợi người.

Ở đoạn một, “Thâm thâm vi diệu thanh tịnh pháp môn”, tức là đối vọng hiển chơn, thể của cảnh thực tướng chơn như, trong đó chia làm ba; phần đầu nói về tên gọi pháp môn mà đức Thế Tôn thuyết phần tiếp là nghĩa về Lý thú mà Thế Tôn thuyết. Phần sau là Thế Tôn thuyết về đức. Đây là nói về hiệu của pháp môn.

“Bấy giờ” là mở đầu, ở cung trời, mây tụ tập, sở hóa cơ cảm, pháp vương ứng hiện, ở hội thuyết pháp nghe pháp, cho nên bảo là “Bấy giờ”.

“Thế Tôn” là giáo chủ năng thuyết, vì các Bồ-tát đã đủ cơ sâu. Thuyết Nhất thiết pháp, các sự thể pháp hữu vi vô vi.

“Thâm thâm vi diệu, pháp tính chơn như”; kẻ phàm phu chẳng thể đo lường được gọi là “thâm thâm”. Nhị thừa chẳng biết nổi, gọi là “vi diệu”.

“Bát-nhã lý thú” chính là lý của Pháp thâm sâu vi diệu. Đó là cái đạo lý, nghĩa lý của pháp tính.

“Thú” nghĩa là cái chỗ hướng đến của ý, chỉ cái thú. Ý nói: Văn Bát-nhã thâm thúy, quán chiếu Bát-nhã, thu nhận được ý nghĩa lý thú. Tự tính trong sạch gọi là “Thanh”; lìa các nhớ nhiệm gọi là “Tịnh”.

“Môn” là con đường thông suốt hướng vào, tức là do từ đó mà hiển chiếu hội chứng lý hội chứng. Muốn chứng nhị không phải nghe giáo lý đó, nương đó tu học, mới có thể hội chơn; chẳng biết phải gọi tên gì, gượng gọi là “Môn”. Môn đó là gì? Môn chính là Bồ-tát cú nghĩa. Ba ý nghĩa về Bồ-tát đã giải thích như trên. Nói các nghĩa; thì cú nghĩa là sự khác nhau âm thanh của năng thuyết; không gọi là “văn” mà gọi

là “cú”. Vì “cú” có đủ cả ý nghĩa của lời dạy. “Nghĩa”; là sự sai biệt khác nhau của pháp được giảng ra, không nói là “Tự thể” mà chỉ nói là “Nghĩa”, vì nghĩa của pháp tròn đủ chẳng phải là tự thể. “Cú” đã là năng thuyên, thì sở thuyên chỉ là nghĩa; muốn hiển bày giáo lý đó, tất cả năng thuyên đều phải tròn đầy; bởi vậy cho nên, tất cả sở thuyên cũng phải có đủ. Mở rộng năng thuyên và sở thuyên thì văn, danh, thể, pháp đều đã gồm thâu trong ấy. Ở loài hữu tình, muốn cầu Bồ-đề thì khởi trí đại bi để tu học và cần cầu Bồ-đề. Phát tâm một cách dững mẫn gọi là Bồ-tát. Nay trong lý thú đó, chỉ dạy của năng thuyên chính là cú của Bồ-tát năng thuyên. Lý của sở thuyên chính là nghĩa của Bồ-tát sở thuyên. Nếu nương vào sự chỉ dạy đó mà thực hành nghĩa đó, chứng lý đó, thì gọi là Bồ-tát. Sau này, khi đạo đã tràn đầy, thì gọi là Phật; rồi xả bỏ cái gọi là Nhân. Bồ-tát nói ở đây, gồm có ba thứ vị: 1. Sơ phát tâm; 2. Tu chánh hạnh; 3. Chứng pháp tính. Ba thứ vị trên đều cần phải nương vào đó mà tu học, mới có thể đắc chứng, cho nên bảo là “Môn”.

Kinh nói: Sao gọi là Bồ-tát cú nghĩa?

Tán rằng: Phần hai dưới đây theo thứ tự Phật thuyết về nghĩa của lý thú. Trong ấy có ba phần: Phần đầu đức Phật tự hỏi; phần tiếp Phật nói về nghĩa; phần sau cùng khuyến khích sự tu học. Đây là phần hỏi đầu tiên.

Kinh viết: “Là Cú nghĩa tột cùng diệu lạc thanh tịnh là cú nghĩa Bồ-tát”.

Tán rằng: Sau đây nói về nghĩa ấy. Nó bao gồm hai phần: Phần đầu giải thích nghĩa; phần sau nói về nguyên do. Theo Ngài Thanh Biện thì; đối với thế tục còn có thể có, nhưng đối với thắng nghĩa thì đều là không. Đoạn này kinh nói về chánh nghĩa rộng lặng. Nếu theo Ngài Hộ Pháp thì giải thích như sau: Gồm có bốn mươi một cú nghĩa. Riêng phần giải thích về cú nghĩa Bồ-tát, thì chia làm hai phần:

- Phần đầu có mười môn, nói về Bồ-tát tu quả thanh tịnh cú nghĩa, để hiển bày tất cả cú nghĩa mà Bồ-tát có được; phần hai, ba mươi một môn sau phần sắc uẩn rộng lặng” là dựa vào bốn tính chư pháp và cho do cú nghĩa không tịch thanh tịnh cú nghĩa, để hiển bày tất cả cú nghĩa Bồ-tát có được.

Trong mười môn đầu Bồ-tát tu quả thanh tịnh cú nghĩa để hiển bày tất cả cú nghĩa Bồ-tát, lại chia làm năm phần; mà Bồ-tát tu gồm có năm loại: 1. Tập tổng tu; 2. Vô tướng tu; 3. Vô công dụng tu; 4. Sí thịnh tu; 5. Vô hỷ tức tu.

- Tập hợp tất cả, gom tụ lại thành một, tu tập cái chính yếu. Người

mới bắt đầu tu hành; các ác đều đoạn dứt, các thiện đều tu tập, các chúng sinh đều độ thoát. Hoặc quán tất cả là xương cốt, hoặc quán thân xác này từ đầu đến chân chỉ là máu mủ; gọi đó là Tập tổng tu.

- Ở trong chân pháp giới, lia mười tướng khiến sự sai khác mà tu tập; nên gọi là vô tướng tu.

- Người tu hành tuần tự nên quán vô tướng để khiến cho sự tu đó được thuần thực tự tại, không cần công sức mà vẫn hiện tiền nhậm vận; gọi là vô công dụng tu.

- Tuy tu không tốn sức nhưng vẫn có sự hơn kém; và để tăng thêm cái hơn kia nên gọi là Sí thịnh tu (bừng bừng).

- Hoặc tuy bừng bừng, nhưng sợ có một ít sở đắc, bèn vui vẻ thỏa mãn, cho như vậy là đủ rồi, cần gì đạt đến quả Bồ-đề, cho nên gọi là vô hỷ túc tu.

Nay nói về Bồ-tát trước khi đắc chuyển y, địa vị đó gọi là ích lực tổn năng chuyển. Do tập hổ thẹn và hiểu biết đặc biệt; cho nên tăng ích cho thánh đạo lực; hao tổn năng lượng của hai chướng, cũng có thể chia quả của năm tu, mười địa, chánh chứng, chánh hạnh, năm tu. Ở đây, mười cú này hiển bày quả của năm tu, với văn nên biết như vậy.

Đây tức là thuận thanh tịnh phần thứ nhất vô sở phân biệt. Vô tướng hiện hành, tướng lai thành Phật quả, gọi là Thanh tịnh phần; cái đó dẫn đến cái kia, nên gọi là thuận. Như Phật Luân Vương, các uẩn trong trắng không có chỗ phân biệt, vô tướng hiện hành là nhờ đắc được thuận thanh tịnh phần vô phân biệt. Tổ ngộ cực diệu lạc tức trí vô lậu, trên địa chánh chứng, trước địa được phần. Nếu có sự phân biệt, không thuận theo với thanh tịnh, thì bị quả xấu khổ. Nay nhờ vô phân biệt, thuận thanh tịnh phần cho nên mới cực kỳ diệu lạc, quả khổ mãi mãi không có; bởi tiếp xúc với cái lạc vô tướng; sự cực diệu lạc đó, chẳng phải do sự phân biệt dẫn sanh cho nên gọi là thanh tịnh. Năng thuyên câu đó, câu đó sở thuyên chính là cú nghĩa Bồ-tát.

Kinh viết: “Các kiến giải mãi mãi tịch lặng thanh tịnh cú nghĩa là Bồ-tát cú nghĩa, vì diệu vui duyệt thanh tịnh cú nghĩa là Bồ-tát cú nghĩa”.

Tán rằng: Hai cú nghĩa đó; tức trong năm quả lia các loại tướng, đắc cái vui vườn pháp, do kiến đả mãi mãi lặng yên, cho nên lia được các tướng; các tướng phần nhiều do các kiến sinh, mà đã đạt được cái vui vườn pháp; cho nên vì diệu vui duyệt. Các kiến là năm kiến. Trước địa trên địa đều hàng phục, chặt đứt không dư sót, cho nên bảo là mãi mãi tịch lặng. Lấy pháp giới làm vườn, vui chơi sung sướng trong đó,

gọi là cái vui vườn pháp. Chứng hiểu gọi là đắc. Như sung sướng vui chơi trong vườn ngự uyển ở cung điện nhà vua. Pháp giới cũng vậy; cầu chứng, chánh chứng đều sanh ra sự vui sướng.

Kinh viết: “Khát ái vĩnh tức, thanh tịnh cú nghĩa là Bồ-tát cú nghĩa. Thai tạng siêu việt, thanh tịnh cú nghĩa là Bồ-tát cú nghĩa. Chúng đức trang nghiêm, thanh tịnh cú nghĩa là Bồ-tát cú nghĩa”.

Tán rằng: Trong ba cú nghĩa trên: Khát ái là tham dục, tham dục do khát ái sinh ra, nên gọi là khát ái. Ví như con nai khát nước, từ xa nhìn ánh phản chiếu của mặt trời, tưởng là nước, tham muốn chạy đến chỗ đó. Loài hữu tình cũng vậy! Do khát phiền não, thấy vật bất tịnh, tưởng là tịnh, rồi khởi tham cầu, nên gọi là khát ái. Càng ngày càng thắm sâu, lấy ái làm đầu tạo ra các nghiệp. Mọi phiền não đều lấy tham làm đầu.

Trước địa lần đầu chế phục, trên địa có thể trừ được; cho nên bảo là vĩnh viễn ngừng (vĩnh tức). Do nhân đã diệt, nên quả khổ không sinh, do đó thai tạng cũng có thể siêu việt. Nói một thai sinh là vì ý đã lìa sự phân đoạn, ở vào chỗ biến dịch. Đó là nhân quả sinh tử đã hết, đã đắc được biến dịch dị thực thù thắng; cho nên ở trước địa, trông các nhân tướng tốt sẽ hóa thành tám tướng, đến ngôi vị thập địa thì đắc đủ các tướng tốt, thanh tịnh công đức, trang nghiêm thân đó. Ác pháp đã mất, thắng quả đã khởi, tức là niệm niệm làm tiêu tan, tất cả những vật nặng nề bám dính thân thể hữu lậu. Bám dính vào bản thức làm cho bất an, gọi là nặng nề. Ví như những ung nhọt. Ba khổ bức bách thì không được an ổn! Nếu ở trước địa nhờ nghe Bát-nhã tu hành vô tướng, khiến cái nghe được huân tập tăng làm tiêu tan những sự nặng nề bám trên bản thức; cũng như vị thuốc hay sẽ làm tiêu trừ các khối bệnh. Nếu đạt đến thập địa, thì có thể chặt đứt được nó, gọi là tiêu tan. Sự nặng nề đã diệt, nên khát ái tắt. Thai tạng được siêu việt thì không còn nặng nề. Chúng đức trang nghiêm, ái năng nhuận phát. Trong phần sau, phần “Duyên sinh” sẽ nói rõ.

- Về thân thai tạng, luận Du già nói: thai tạng có tám vị:

- Đã ngưng kết loãng ở bên trong, gọi là yết thích lam vị.
- Bề ngoài như máng sữa chưa thành thịt, gọi là Án Bộ đàm vị.
- Như đã thành thịt nhưng vẫn rất mềm; gọi là Bế thi vị.
- Nếu đã dày cứng gọi là Kiện nam vị.

• Khối thịt chuyển tăng trưởng, hiện rõ hình dáng, gọi là Bát la xa khu vị.

- Sau đó lông, tóc, móng, răng sinh, gọi là mao phát trảo xi vị.

- Rồi các căn hình thành đầy đủ gọi là căn vị.
- Y xứ phân minh hiển danh hình vị.

Do bởi nghiệp kiếp trước và những nhân duyên xấu của mẹ, có thể làm cho thai tạng đó hoặc tóc, hoặc sắc, hoặc da hay tay chân biến đổi một cách khác lạ lúc sinh ra; hoặc do nghiệp hoặc do mẹ ăn nhiều vị mặn làm cho lông tóc thưa thưa; hoặc do nghiệp, do mẹ thường ở nơi nóng, khiến cho sắc đen tối; ở gần chỗ lạnh sẽ khiến màu da trắng bạch; ăn nhiều đồ nóng sinh sắc da rất đỏ. Hoặc do nghiệp hoặc do mẹ quen thói dâm dục nên da hay bị ngứa hoặc nổi ghẻ lở. Do nghiệp hoặc do mẹ thường quen chạy nhảy, bị té làm cho tay chân bị khuyết thiếu. Nữ thì ở bên trái hông, dựa lưng, hướng bụng. Nam ở bên phải hông, dựa lưng, hướng lưng. Khi thai đã đủ tháng, mẹ không chịu nổi sức nặng của thai, nội phong khởi làm mẹ đau đớn; với lại nghiệp báo sinh phần cùng phong khởi lên, khiến cho đầu hướng xuống dưới, chân hướng lên, bọc thai hướng về cửa sản môn. Khi đang ra, bọc thai vỡ. Khi sinh gọi là chánh sinh vị. Lúc ấy, người mẹ đau đớn vô cùng, thai nhi cũng vậy. Đoạn trên được nói trong quyển thứ năm trăm tám mươi chín của kinh Đại Bát-nhã. Thân thai tạng đó được tạo thành do ba mươi sáu vật bất tịnh: lông, tóc, móng, răng, da... đã sinh trưởng rồi, tiếp đó khởi sáu xúc, tiếp nữa là tùy theo cái học thế gian, rồi dựng vợ gã chồng, rồi tạo nghiệp, rồi thọ nhận các cảnh giới khổ lạc thuộc sắc giới, rồi theo cái nghiệp đã tạo mà thọ nhân thân này. Bồ-tát thì không như vậy! Tùy theo nguyện mà thọ sinh, dù nhập thai mẹ, đến Bát la xa khứ vị, tự thân không có ác nghiệp; cũng không làm cho mẹ tiếp cận duyên xấu để tự hư tổn tóc... cũng không làm cho mẹ thọ các khổ não. Đã sinh trưởng rồi, cũng không bị những lỗi lầm xấu như đã nói trên. Chỉ lấy Bi và Trí thọ sinh thành nghiệp cho nên gọi là Siêu Việt. Không có chuyện thân bị biến đổi. Đủ cả ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tự nhiên cho nên bảo là chúng đức trang nghiêm. Bởi bi trí huân tu mới được thân như vậy.

Kinh viết: “Ý cực ý thích thanh tịnh cú nghĩa, là Bồ-tát cú nghĩa; đắc đại quang minh thanh tịnh cú nghĩa, là Bồ-tát cú nghĩa”.

Tán rằng: Hai cú nghĩa đó chính là có thể hiểu biết chính xác rõ ràng đại pháp quang minh là vô lượng vô phân hạn tướng; vì đã đặt được pháp giới mười phương vô biên vô phân lượng tướng. Cực ý thích hiển bày chiếu hạnh nên gọi là pháp quang minh. Đã có thể quảng đạt khế hội với pháp tính; chứng được cái lý chân diệu; ý cực ý thích, là có thể hiểu được trí đó hiển chiếu rõ ràng; gọi là pháp quang minh. Cả hai

đều ly cấu, cho nên gọi là thanh tịnh.

Kinh viết: Thân khéo an lạc thanh tịnh cú nghĩa, là Bồ-tát của nghĩa; Ngữ khéo an lạc, thanh tịnh cú nghĩa, là Bồ-tát cú nghĩa; Ý khéo an lạc thanh tịnh cú nghĩa, là Bồ-tát cú nghĩa.

Tán rằng: Ba cú nghĩa đó, tức phần thứ năm, là khiến cho pháp thân viên mãn thành biện để có thể nhiếp thọ đúng hậu thắng nhân sau này. Địa thứ mười gọi là viên mãn. Tại Phật địa gọi là thành biện; cảm được cái nhân đó, là thù thắng nhất; gọi là Thắng Nhân. Tức là trong đó, mang ý nghĩa ba nghiệp an lạc thanh tịnh. Chánh là do ý nghĩa của địa vị trước, khéo an lạc hai nghiệp ngữ và thân, trợ giúp cho sự an lạc. Hậu pháp thân sau đó viên mãn thành biện. Ba nghiệp bất tịnh bức bách hiện tiền, thì không có an lạc; hậu pháp thân sau đó cũng không được thành biện. Mười cú nghĩa trên nói về Bồ-tát tu quả thanh tịnh cú nghĩa, hiển này tất cả cú nghĩa của Bồ-tát, trong đó thanh tịnh nếu bị nhiễm, thì lìa bỏ sự thanh tịnh. Nếu người khéo tu tập thanh tịnh, thì cú nghĩa Bồ-tát không lìa, cho nên địa tiền phần đắc, địa thượng được chánh chứng; cho nên lực chuyển sự lợi ích ở tại vị địa tiền.

Kinh viết: “Sắc vẫn không tịch thanh tịnh cú nghĩa, là Bồ-tát cú nghĩa. Thọ, tưởng, hành, thức vẫn thanh tịnh cú nghĩa, là Bồ-tát cú nghĩa. Nhãn xứ không tịch thanh tịnh cú nghĩa, là Bồ-tát cú nghĩa; Nhĩ, tử, thiệt, thân, ý xứ không tịch thanh tịnh cú nghĩa, là Bồ-tát cú nghĩa. Sắc xứ không tịch thanh tịnh cú nghĩa, là Bồ-tát cú nghĩa; Thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ không tịch thanh tịnh cú nghĩa, là Bồ-tát cú nghĩa. Nhãn giới không tịch thanh tịnh cú nghĩa, là Bồ-tát cú nghĩa; Nhĩ, tử, thiệt, thân, ý giới không tịch thanh tịnh cú nghĩa, là Bồ-tát cú nghĩa. Sắc giới không tịch thanh tịnh cú nghĩa, là Bồ-tát cú nghĩa; Thanh, hương, vị, xúc, pháp giới thanh tịnh cú nghĩa, là Bồ-tát cú nghĩa. Nhãn thức giới không tịch thanh tịnh cú nghĩa, là Bồ-tát cú nghĩa, Nhĩ, tử, thiệt, thân, ý thức giới không tịch thanh tịnh cú nghĩa, là Bồ-tát cú nghĩa.”

Tán rằng: Sau đây là phần thứ hai, ba mươi một môn nương vào bản tính các pháp và đã do không tịch thanh tịnh cú nghĩa để hiển bày tất cả cú nghĩa của chư Bồ-tát. Ở đây chia ra hai phần; phần đầu có hai mươi sáu môn, nêu rõ thế tục thắng nghĩa pháp, sở y sở tông bản tính không tịch thanh tịnh cú nghĩa, để hiển bày tất cả cú nghĩa của Bồ-tát. Phần thứ hai gồm năm đôi dưới thiện phi thiện, thông cả những sai biệt nhiễm pháp và tính pháp bản tính không tịch thanh tịnh cú nghĩa, để

hiển bày tất cả cú nghĩa của Bồ-tát.

Trong phần đầu chia làm ba: Chín môn đầu tiên chỉ nói về thế tục pháp sơ y bản tính không tịch thanh tịnh cú nghĩa, để hiển bày tất cả cú nghĩa của Bồ-tát.

Tiếp đến gồm mười sáu môn, chỉ nói về thắng nghĩa pháp sở tông bản tính không tịch cú nghĩa, để hiển bày tất cả cú nghĩa của Bồ-tát. Sau cùng có một môn, nói tổng quát về pháp thế tục và thắng nghĩa sở y bản tính không tịch thanh tịnh cú nghĩa, để hiển bày tất cả cú nghĩa của Bồ-tát.

Trong chín môn đầu thì chia ra làm chín; trong đó có ba cú nghĩa tức ba khoa pháp. Lại như phàm phu biến kế sở chấp các pháp sắc uẩn. Bốn lai không tịch; không tịch tức thanh tịnh. Bởi chỉ có vọng tâm, chứ cảnh đều không có! Nương vào môn khác mà có, bản tính cũng không! Kinh tự nói: Sắc như tụ nước bọt; thọ dụ là bọt nước nổi; tướng giống với bóng nắng (dương diễm); hành tựa Ba tiêu; Thức như các việc Huyền hóa. Sắc như tụ nước bọt, bởi mau tăng mau giảm, bởi do nước sinh ra. Vì nghĩ đến chuyện ăn uống do nước sinh; không thể bóp nặn, chẳng như cục đất sét mà có thể bóp nặn, tạo ra các đồ vật khác! Lại nữa, thực ra chẳng phải tụ mà tựa như tụ, hiển hiện cho đến khi có thể phát khởi cái hiểu hữu tình.

Thọ dụ cho bọt nước nổi; bởi ba thứ hòa hợp mà sinh, đứng yên không lâu, tương tựa pháp. Nghĩa là, ở dưới có nước, ở trên có mưa gió kích động, mới có bọt nước sinh ra. Ba thứ hòa hợp làm duyên sinh; thọ cũng như vậy. Các pháp tâm sở tiếp xúc với nhau không nói là vì duyên; lại lên xuống mau chóng không đứng yên. Tướng giống với dương diễm, vì có tính chất động nhanh chóng; vô lượng các loại tướng biến đổi khác nhau sinh ra; khiến cho sở duyên phát sinh điên đảo, khiến các cảnh giới đó hiển hiện rất rõ ràng. Do sự phân biệt đó, mà các tướng nam nữ, thành ra có khác biệt!

Hành như cây Ba tiêu; vì nó không chắc thực; cành lá tuy to lớn nhưng hư hoại mau chóng. Như người mắt sáng cầm dao bén vào rừng, chặt lấy cây Ba tiêu có thân trụ thẳng, vứt bỏ cành lá, rễ, vỏ cây, trong lòng cây chẳng có gì cả! Làm gì có thực! Nghĩa là đệ tử Thánh, lấy con dao diệu Tuệ ở trong rừng năm nẻo, chặt lấy cái ngã kiến gọi là trụ gốc. Chặt đứt gốc nó là đoạn ngã kiến; chọn lựa kỹ càng gọi là lột bỏ cành lá; thì chỉ còn có các pháp sai biệt, các loại hành như là tư v. v. . . làm gì còn cái ngã thường hằng nào; cho nên gọi là như cây Ba tiêu.

Thức giống như Huyền sự. Ví như nhà ảo thuật, đứng ở ngã tư

đường, ảo hóa ra bốn thứ chuyện. Nói nhà ảo thuật; là dụ cho tùy phước phi phước bất động hành thức. Ở ngã tư đường, là trụ vào bốn thức trụ. Bốn chuyện ảo hóa, đó là voi ngựa v.v... những thứ đó, tuy là thấy được, nhưng không thực là voi, ngựa v.v... như vậy nên biết, tùy theo phước mà thức trụ ở thức trụ; tuy có cái tướng của ngã tác thọ, nhưng không có được cái tính ngã chân thực. Lại nữa, ở trong thức uẩn chứa thật tính, bên ngoài hiện ra những tướng khác lạ giống như hình ảnh ảo. Cho nên biết y tha cũng là tính rỗng lặng. Pháp huyễn ảo ở trên không có tính tự nhiên, cho nên gọi nó là không. Theo thật lý, thể viên thành thì phi không bất không; nương vào hai môn không, mới có thể hiển chứng, để cũng có thể gọi là không. Cho nên ba loại pháp đều là không. Ở trên là giải theo Ngài Hộ Pháp. Ngài Thanh Biện thì giải thích:

Lại nữa, thế tục vọng nói, sắc có thể có thắng nghĩa, nhập vào chân sắc thì đều là vô, cho nên vốn rỗng lặng, như thắng thứ hai vọng hữu tức chân vô, cho nên vốn đều rỗng lặng; các rỗng lặng sau đây đều chuẩn với cái biết đó; nhưng chỉ giải pháp không giải lý. Thuyên không tịch cú, là đã hiển hiện không tịch, tức là cú của năng thuyên Bồ-tát. Nghĩa của sở thuyên, nương đó chứng đó gọi là Bồ-tát. Cho nên gánh vác gom tụ lại là uẩn nghĩa; sinh ra là xứ nghĩa; nhân chủng tộc dòng họ là giới nghĩa; biến ngại gọi là sắc; lãnh nạp gọi là thọ; giữ lấy hình bóng gọi là tướng; tạo tác gọi là hành; hiểu biết gọi là thức. Hai pháp thọ, tướng trong tâm sở hỗ trợ riêng cho tâm cường mạnh, tu thiền vô sắc đặc biệt dùng hai thứ đó. Ngoại đạo cho là nhân của sanh tử, cho nên có tên riêng là uẩn. Bởi uẩn chỉ gồm thân hữu vi vô vi, chẳng tụ; cho nên sinh ra gọi là xứ; căn không hoại cảnh hiện tiền có thể sinh ở thức; cho nên căn và cảnh đều được gọi là xứ. Thức được sinh ra không khai mở thành xứ, nên cũng thông với vô vi. Vì cảnh sinh thức sáu căn có thủ, mỗi căn tự dùng cảnh riêng của mình cho nên đặt tên riêng. Sáu cảnh làm thành căn, mỗi cảnh đều thủ riêng, cho nên tên có khác nhau. Nghĩa của tính, của nhân gọi là giới, cho nên mở rộng sáu thức, lập thành mười tám giới, cũng thông với vô vi. Để phá cái chấp phiền não thức của hữu tình mà thuyết ba khóa đó cho ba căn cơ thượng, trung, hạ. Ba khóa đều thông với hữu lậu vô lậu. Các ý nghĩa khác, cũng giống như những điều đã nói trong các luận.

Kinh viết: “Nhãn xúc không tịch thanh tịnh cú nghĩa, là cú nghĩa Bồ-tát. Nhĩ, tĩ, thiệt, thân, ý xúc không tịch thanh tịnh cú nghĩa, là cú nghĩa Bồ-tát. Nhãn xúc làm duyên sinh ra các thọ không tịch thanh tịnh cú nghĩa, là cú nghĩa Bồ-tát. Nhĩ, tĩ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên

sinh ra các thọ không tịch thanh tịnh cú nghĩa, là cú nghĩa của Bồ-tát”.

Tán rằng: Trong hai cú nghĩa đó, ở trong tâm sở, hai thứ đó làm đầu; vì có ba vị, năm vị khác nhau. Khi các căn sinh, vì gần cận nên thắng; vì có thể sinh tâm sở xúc mạnh mẽ. Xúc nghĩa là xúc đối, tức là xúc số, khiến cho tâm, tâm sở cùng xúc với cảnh gọi đó là xúc. Xúc do căn, cảnh, thức hòa hợp mà sinh có thể hòa hợp ba thứ lại với nhau, cho nên các kinh luận gọi là Tam Hòa. Do căn biến dị khi dẫn đến xúc khởi, thì thức, cảnh là hơn hết, cho nên gọi là nhãn xúc cho đến ý xúc.

Kinh viết: “Địa giới không tịch thanh tịnh cú nghĩa, là Bồ-tát cú nghĩa. Thủy, hỏa, phong, không, thức giới không tịch thanh tịnh cú nghĩa là Bồ-tát cú nghĩa”.

Tán rằng: Pháp môn đó chính là sáu giới thành chúng sinh; nên biết là bốn đại. Cái đã gọi là không chính là cái sắc của không giới trong nội thân. Thức nghĩa là tám thức. Trong đó chỉ nói ba loại căn bản; nghĩa là: sắc chỉ nương vào tứ đại. Hành động chỉ nương vào không giới; vì trong thân nếu không có cái sắc của không giới đó, thì không thể cử động được. Tâm sở chỉ nương vào thức. Vì chỉ xét về căn bản, nên chỉ nói sáu căn; tích tụ thành hình cho nên nói là tứ đại; có thể khởi phân biệt cho nên gọi là thức. Có thể có các nghiệp chuyển động qua lại cho nên nói là rỗng lặng, không tăng không giảm.

Kinh viết: “Khổ Thánh đế không tịch thanh tịnh cú nghĩa, là Bồ-tát cú nghĩa. Tập, diệt, đạo Thánh đế không tịch thanh tịnh cú nghĩa, là Bồ-tát cú nghĩa”.

Tán rằng: Pháp môn đó chính là Tứ đế; vì nhị thừa mà an lập sai biệt, nên gọi là Thế tục. Khổ nghĩa là bức bách không an ổn, không vui, tức là pháp hữu lậu, tất cả đều như vậy. Vì tất cả hữu tình và đồ vật trong thế giới đều là khổ; vì khổ nghiệp phiền não đều là khổ. Quả khổ có ba loại hoặc tám loại. Ba loại gồm: Hành khổ, khổ khổ, hoại khổ. Tám loại gồm: Sinh khổ, lão khổ, bệnh khổ, tử khổ, ghét mà gặp khổ, yêu mà xa khổ, cầu mà không được khổ, gồm thâu ngũ thủ uẩn khổ. Sinh khổ có hai nhân: 1. Các khổ bức bách; 2. Các khổ khác nương vào. Nghĩa là khi ở trong bụng mẹ, bị đủ các thứ bất tịnh bức bách khổ. Khi thai đang sinh ra, lại bị thân thể tay chân bức ép đại khổ. Vì có sinh ra, cho nên có các lão, bệnh, tử khổ... lão khổ là cái khổ của từng phút từng giây biến đổi hư hoại...

Đế là thật nghĩa. Khổ đúng thật là khổ, càng không có cái khổ nào khác, cho nên gọi là Đế. Phạm phu không biết, chỉ có bậc Thánh mới

biết. Đế của bậc Thánh cho nên gọi là Thánh đế.

Tập nghĩa là Nhân, nghiệp phiền não có khả năng tập nên sinh ra khổ. Khổ gồm thân cả hữu lậu, tập trừ quả khổ.

Diệt là trạch diệt, tức là Niết-bàn; có bốn loại.

Đạo là Thánh đạo, con đường thông vận, tức chư Thánh thực hành hữu vi vô lậu; hai đế đầu là hữu lậu; hai đế sau là vô lậu. Bốn diệu lý đó, Thế là một chơn như; do nương vào thuyên mà phân làm bốn loại, cho nên tính thanh tịnh.

Kinh viết: “Nhân duyên không tịch thanh tịnh cú nghĩa, là Bồ-tát cú nghĩa. Đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên không tịch thanh tịnh cú nghĩa, là Bồ-tát cú nghĩa”.

Tán rằng: Chính mình có thể biện thể, sinh trưởng các pháp, gọi tên là Nhân. Lấy nhân làm duyên, nên gọi là Nhân Duyên. Duyên là duyên tịch, gọi chung cho bốn duyên; tức ngoài Phật quả ra, ở địa vị nhân, thức thứ bảy kiến tướng phần. . . có thể luân chuyển gọi là nhân duyên. Chung tử thông cả các địa vị, tự loại tương sinh và hiện sanh đều gọi là nhân duyên, vì đều chính nó biện thể mà sinh quả.

Đẳng vô gián tức tâm, tâm sở; mỗi tự thức tự, trước vọng về tâm sở sau thành vô gián duyên. Chữ Đẳng có hai nghĩa: Một là tương tựa gọi là đẳng; trong tâm sở, tâm sở trước cũng một thọ, tâm sở sau cũng một thọ, vì thể nó đẳng, cho nên gọi là tương tự. Hai là lực ngang bằng, gọi đó là đẳng; hoặc niệm trước một pháp ngang với một pháp sau thành vô gián duyên. Niệm trước tất cả đẳng có thể cùng với một pháp sau, thành vô duyên gián; cho nên bảo là Đẳng vô gián duyên; là nghĩa khai đạo. Như niệm trước, nhãn thức tự với tự nhãn thức sau, thành vô gián duyên, chẳng thể ngang bằng với Nhĩ, hoặc đều cùng sinh nhưng nhiều ít đều có sự không ngang bằng.

Sở duyên duyên là cảnh có thể, pháp có khả năng sinh các tâm, gọi đó là duyên. Các tâm trước mang theo cảnh tương đó, các cảnh mang theo đó, gọi là sở duyên, cả hai thứ đó có sự khác nhau.

Tăng thượng duyên là nghĩa oai thế; với oai thế đó khiến sinh đẳng. Đẳng vô gián duyên thể chỉ là tâm và tâm sở, còn sở duyên duyên thì thông luôn tất cả pháp. Hai duyên trên chỉ đợi tâm và tâm sở làm quả. Cái thể của nhân duyên, thông tất cả hữu vi, quả của nó cũng vậy. Còn tăng thượng duyên, thể và quả đều thông hết tất cả pháp.

Kinh viết: “Vô minh không tịch thanh tịnh cú nghĩa, là Bồ-tát cú nghĩa. Hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão, tử không tịch thanh tịnh cú nghĩa, là Bồ-tát cú nghĩa”.

Tán rằng: Trong mười duyên khởi đó, vô minh lấy si làm thể, phát cái hoặc của nghiệp. Hành thì thông cả ba nghiệp; phước và phi phước là nghiệp bất động; hai chi này đều thông với hiện hành chủng tử. Thức là bản thức. Danh sắc thông ngũ uẩn. Lục xứ là lục căn. Hai pháp xúc, thọ là tính dị thực. Đương thể làm thể. Năm chi sau thức là chủng tử. Ái là tham ái, lấy tham làm tự thể. Thủ thông với tất cả phiền não, làm tính; hai chi đó cũng thông với hiện hành chủng tử. Hữu; thể dùng chung, sáu chi làm thể; nghĩa là ái và thủ đã tràn đầy, thì sáu chi kể từ chi Hành sẽ thành quả mà hiện khởi, Quả hậu Hữu (Hậu hữu là thân kiếp sau) sinh ra gọi đó là Hữu. Hữu chỉ là chủng tử. Từ ngôi vị Trung Hữu đến ngôi vị Bốn Hữu thì chưa suy biến, đến lúc có ngũ uẩn đều gọi là chi sinh. Tất cả ngũ uẩn từ suy biến vị đến lúc mạng chung gọi là lão, tử. Nghĩa là do vô minh tạo hạnh thiện ác, hun tập với bản thức, đã cùng nhau để lại những tương cảm với thức. Ái và thủ hợp vào đó làm mạnh thêm. Sáu chi trước, có thể ngay nơi đó sinh quả, gọi là hữu; hưởng đến chỗ cùng nhau sinh khởi gọi là sinh. Suy biến, mệnh chung gọi là tử. Mười hai chi Hữu thể chỉ là hữu lậu, như duy thức đã nói rõ về các tướng của chúng.

Kinh nói: “Bố thí Ba-la-mật đa không tịch thanh tịnh cú nghĩa, là Bồ-tát cú nghĩa. Tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩn lự, Bát-nhã Ba-la-mật đa không tịch thanh tịnh cú nghĩa, là Bồ-tát cú nghĩa”.

Tán rằng: Dưới đây là phần thứ hai, có mười sáu môn nói rõ Thắng nghĩa pháp là do bản tính không tịch cú nghĩa. Để hiển bày tất cả cú nghĩa của Bồ-tát, trong đó chia ra ba phần: 1. Nói về hạnh, có sáu môn; 2. Nói về vị, có hai môn; 3. Nói về đức, có tám môn.

Trong hạnh có ba: 1. Hạnh tổng lục độ; 2. Hạnh sở quán lý; 3- Hạnh biệt tu khởi. Đây chính là địa thứ nhất.

Thí gồm có ba loại: Tài, pháp, vô úy; ở đây dùng không tham và từ không tham đó khởi hai nghiệp làm tính.

Giới gồm có ba: Luật nghi, nhiếp thiện, nhiều ích hữu tình. Nó lấy ba nghiệp khi thọ Bồ-tát giới, lấy ba nghiệp làm tính.

An nhẫn có ba loại: An thọ khổ, nhịn chịu sự oán hại, Để sát pháp; trong đó theo thứ tự lấy không sân, tinh tiến, thãm tuệ và ba nghiệp đã khởi lên ở đó làm tính.

Tinh tiến có ba: Che chở, nhiếp thiện, lợi lạc. Ba tinh tiến đó lấy động và ba nghiệp đã khởi lên ở đó làm thể.

Tĩn lự có ba: An trú, dẫn phát, biện sự. Ba tĩn lự đó chỉ làm tính.

Bát-nhã có ba: Gia hạnh, chánh trí, hậu trí. Ba Bát-nhã đó đều lấy trạch pháp làm tính.

Những điều trên chỉ nói về tự tính. Nếu thực hành theo tất cả quyền thuộc của mỗi thứ, thì lấy tất cả công đức cùng theo nó làm tính.

Vì sao sáu thứ trên gọi là đến bờ kia? Vì chúng được nhiếp thọ bởi bảy tối thắng:

1. An trú thắng: Chủ yếu có Bồ-tát tính.
2. Ý chỉ thắng: phải có tâm đại Bồ-đề.
3. Ý lạc thắng: phải thương xót hữu tình.
4. Sự nghiệp thắng: phải đủ tất cả hạnh.
5. Xảo tiện thắng: phải nhiếp bởi vô tướng trí.
6. Hồi hướng thắng: phải hồi hướng Bồ-đề.
7. Thanh tịnh thắng: không bị xen tạp bởi hai chướng.

Đủ bảy nghĩa gọi là đến bờ kia; không như vậy thì chẳng phải! Do vậy mà những thí đều có bốn trường hợp:

1. Thí phi Ba-la-mật không có đủ bảy thắng.
2. Ba-la-mật phi Thí ; thấy người khác thực hành thí tự mình đủ bảy thắng.
3. Diệc thí diệc Ba-la-mật; tự mình thực hành bố thí lại có đủ bảy thắng.
4. Phi thí phi Ba-la-mật: tự mình không hành bố thí, thấy người khác thực hành bố thí, lại không sinh tùy hỷ.

Tu lục độ đó, có năm cách:

1. Y chỉ nhậm trì tu.
2. Y chỉ tác ý tu.
3. Y chỉ ý lạc tu.
4. Y chỉ phương tiện tu.
5. Y chỉ tự tại tu.

- Thứ nhất y chỉ nhậm trì tu: có bốn

1. Nương theo nhân mà tu; nghĩa là nương theo lực của chủng tính mà tu tập chính hạnh.

2. Y chỉ báo tu; nghĩa là do thắng thân và tu tập chính hạnh.

3. Y chỉ nguyện tu; nghĩa là do bốn nguyện mà tu tập chính hạnh.

4. Y giản trạch tuệ tu tập chính hạnh.

- Thứ hai Y chỉ tác ý tu cũng có bốn:

1. Nương vào hiểu biết đặc biệt, càng hiểu thêm đối với tất cả khế kinh tương ứng.

2. Nương vào sự thích thú; càng thích thú một cách sâu xa các thắng công đức.

3. Nương vào sự tùy hỷ, thân sinh tùy hỷ đối với tất cả hữu tình đã thực hành sáu độ.

4. Nương ý lạc tu; đối với thắng phẩm lục độ tương lai của mình và người, thân sinh nguyện lạc.

- *Thứ ba Ý chỉ ý lạc tu gồm có sáu:*

1. Ý vui không chán; ví như người bố thí không bao giờ chán, nghĩa là Bồ-tát trong một sát na, lấy bảy báu trong ba ngàn đại thiên thế giới bố thí cho một hữu tình. Lại lấy vô số thân mạng bố thí. Bố thí như vậy trụ trong nhiều kiếp với một hữu tình. Cứ như vậy cho đến tất cả cõi hữu tình cũng đều bố thí như vậy, khiến cho mau chóng thành tựu Bồ-đề. Bồ-tát bấy giờ vẫn không chán; gọi là ý vui không chán.

2. Thí ý lạc rộng lớn; Bồ-tát cứ như vậy mà tiến triển liên tục không có sát na nào thối lui hay đứt đoạn; cho đến lúc cuối cùng được ngồi tòa Bồ-đề; gọi là Thí ý lạc rộng lớn.

3. Hoan hỷ ý lạc; khi Bồ-tát thực hành bố thí như vậy, người đến xin được đại hoan hỷ. Người đến xin tuy được đại hoan hỷ, nhưng không bằng Bồ-tát; nên gọi là Thí hoan hỷ lạc ý.

4. Ân đức ý lạc: khi Bồ-tát thực hành bố thí như vậy, quán người đến xin kia có đại ân đức với mình; không thấy mình có ơn với người. Nhờ đó mà trợ giúp vô thượng Bồ-đề cho mình, nên gọi là thí ân đức ý lạc.

5. Vô nhiễm ý lạc. Bồ-tát được phước thí như vậy với vô lượng các hữu tình, nhưng không cầu mong báo ơn ở kiếp sau, nên gọi là thí vô nhiễm ý lạc.

6. Thiện hảo ý lạc. Bồ-tát như vậy, lấy sự tu hành tích tụ việc bố thí rộng lớn, đã đắc được dị thực mà thí cho các hữu tình, không tự vì mình, lại lấy phước đó, cùng chư hữu tình hồi hướng vô thượng chánh đẳng Bồ-đề; gọi đó là thí thiện hảo ý lạc. Năm độ còn lại như đối pháp.

- *Thứ tư y chỉ phương tiện tu:* nghĩa là nhờ trí vô phân biệt, quán sát ba luân đều là thanh tịnh, nhờ đó mà mau thành những điều tu hành.

- *Thứ năm Ý chỉ tự tại tu, gồm có ba:*

1. Thân tự tại: nghĩa là tự tính thị dụng thân.

2. Hạnh tự tại: các thân biến hóa, thị hiện chư hữu tình tất cả loài vì cùng pháp hạnh.

3. Thuyết tự tại: thuyết lục độ Nhất thiết chủng sai biệt không bị

trê ngại.

Kinh viết: “Chơn như không tịch thanh tịnh cú nghĩa là Bồ-tát cú nghĩa. Pháp giới, pháp tính, bất hư vọng tính, bất biến dị tính, bình đẳng tính, ly sinh tính, pháp định pháp trú thực tế, hư không giới, bất tư nghi giới không tịch thanh tịnh cú nghĩa, là Bồ-tát cú nghĩa”.

Tán rằng: Đây là phần thứ hai Hạnh sở quán lý.

Tám tên gọi trên, Thể của chúng cùng một chơn như. Chơn: nghĩa là chơn thực hiển bày, chẳng phải là hư vọng. Như: nghĩa là như thường không có biến đổi; tức là nghĩa trạm nhiên không hư vọng; ngăn chặn vọng, hiển bày thường gọi là chơn như.

Pháp giới là nơi nương tựa diệu pháp của ba thừa.

Pháp tính là bản thể chơn thực của tất cả các pháp.

Bất hư vọng tính là lìa vọng điên đảo, không tính vọng.

Bất biến dị tính nghĩa là tất cả thời đều không thay đổi.

Bình đẳng tính là các pháp có khắp.

Ly sinh tính; Sinh nghĩa là sinh ngạnh, ví như sinh thuộc; đó chính là các pháp hữu lậu; lìa được sinh ngạnh đó là tính của sự kiên cường.

Lại nữa, sinh là sinh diệt, lìa thể sinh diệt gọi là Ly sinh tính.

Thực tế; là không điên đảo sở duyên. Thực là không điên đảo; chỗ đó rốt ráo, nên bảo là Tế. Vượt qua tính vô ngã, vì không có chỗ mong cầu.

Ở đây, chỉ tóm lược nêu ra tám tên gọi. Trong hội thứ nhất có mười hai tên gọi. Trong các đối pháp có sáu tên gọi. Thể là nhất Như, tên gọi thì có khác nhau, tùy theo sự đối trị và sự giáo hóa mà thành nhiều loại khác nhau.

Kinh viết: “Bốn tĩh lự không tịch thanh tịnh cú nghĩa là Bồ-tát cú nghĩa. Bốn vô lượng; bốn vô sắc định không tịch thanh tịnh cú nghĩa, là Bồ-tát cú nghĩa”.

Tán rằng: Đây là phần ba: Hạnh biệt tu khởi. Trong ấy có bốn:

1. Thiền vô sắc Hạnh; 2. Bồ-đề phần hạnh; 3. Giải thoát môn hạnh; 4. Biệt trí đối trị.

Đầu tiên là Tĩh kỳ tâm chuyên nhất lự, Định tuệ ngang nhau, công đức thù thắng, được gọi là Tĩh lự. Lìa các pháp bất thiện, những thèm muốn xấu xa, có tâm có tư, lìa sinh hỷ lạc; gọi là sơ tịnh lự (sơ thiền). Thứ hai là lìa tầm, tư, hỷ tĩh lự (nhị thiền). Thứ ba là đã lìa hỷ lạc tĩh lự (tam thiền). Thứ tư là đã lìa tầm tư hỷ lạc, xả niệm thanh tịnh tĩh lự (tứ thiền). Những thứ đó, nói chung là sơ, nhị, tam, tứ để làm tên riêng; chẳng có tên nào khác. Chỉ ở tại sắc địa thông cả hữu lậu và

vô lậu.

Bốn vô lượng là từ, bi, hỷ, xả. Cho niềm vui gọi là từ, là tính không sân. Bạt khổ gọi là bi ; không hại là tính ; không lừa lạc là hỷ, lấy thiện căn và không đổ kỵ làm tự tính khiến cho lợi ích là xả ; xả thiện căn là tính.

Thông cả hữu lậu, vô lậu ; có khắp ở bốn thiền ; cảnh hạnh đều rộng rãi, cho nên gọi là vô lượng.

Bốn vô sắc là: không vô biên, thức vô biên, vô sở hữu xứ, phi tướng phi phi tướng xứ, những cái đó thông cả hữu lậu, vô lậu. Cả ba thừa đều khởi.

Kinh viết: “Bốn niệm trụ không tịch thanh tịnh cú nghĩa là Bồ-tát cú nghĩa. Bốn chánh đoạn; bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy đẳng giác chi, tám thánh đạo chi không tịch thanh tịnh cú nghĩa, là Bồ-tát cú nghĩa”.

Tán rằng: Đây là phần thứ hai : Hạnh Bồ-đề phần. Bốn niệm trụ là: Thân, thọ, tâm, pháp. Lấy tuệ làm tính. Tuệ nhờ niệm tương ưng, trụ trong bốn cảnh đó; gọi là niệm trụ. Bốn chánh đoạn là:

1. Luật nghi đoạn: nghĩa là đã sinh ra pháp xấu, nhưng phải khiến cho đoạn dứt, nên lấy đó để cố gắng cảnh giác.

2. Đoạn đoạn: nghĩa là chưa sinh pháp ác, nhưng vì khiến cho đừng sinh, cho nên phải cảnh giác cố gắng.

3. Tu tập đoạn: nghĩa là pháp thiện chưa sinh mà muốn cho nó sinh nên cảnh giác tâm, gìn giữ tâm.

4. Phòng hộ đoạn: nghĩa là pháp thiện đã sinh và muốn cho nó trụ nên sách tâm trì tâm.

Bốn loại đó lấy tinh tấn làm thể, cố gắng phát triển ở tuệ, thì tự nó dần dần điều phục, nên gọi là chánh đoạn.

Bốn Thần túc là; muốn siêng năng tâm quán, phải nhờ bốn cái đó dẫn đến định. Bốn thần túc lấy định làm thể. Vận chuyển tối thắng tự tại là Thần do định mà có thể đắc, có thể chứng gọi là thần túc.

Năm căn là: tín, niệm, định, tuệ sinh ra pháp xuất thế, năm điều đó làm đầu, cho nên gọi là căn. Nhờ năm căn đó mà sinh ra những hiểu biết đặc biệt thù thắng trong pháp xuất thế.

Thanh tín khó chế phục gọi là lực. Vì các thiên ma ngoại đạo và các sa môn không thể chế phục. Năm cái đó tùy theo tên gọi, mỗi cái tự nó làm thể.

Bảy đẳng giác chi là trạch pháp, tinh tiến, hỷ, khinh an, định, xả và niệm. Bảy thứ đó là vô lậu, khởi lên ở kiến đạo vị. Giác là trạch

pháp. Chi là chi phần.

Trạch pháp giác, giác đó cũng là giác chi ; còn các giác chi khác chẳng phải giác, như tự danh của nó, tức làm thể của nó. Bảy cái đó có thể quán khắp các pháp, cho nên gọi là Đẳng. Đẳng có nghĩa là khắp. Tám Thánh đạo chi là; Chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mệnh, chánh niệm và chánh định. Ngữ, nghiệp, mệnh thuộc về ba giới uẩn; các thể còn lại như tên gọi, khởi lên ở tu đạo vị. Chư Thánh bậc Hữu học do tám chi nhiếp hạnh tích. Chánh đạo không thể dư sót, đoạn dứt tất cả phiền não, có thể chứng được giải thoát rốt ráo. Do đó, tám thứ đó gọi là Thánh đạo chi. Hợp lại là ba mươi bảy đạo phẩm, đều lấy mười một pháp làm tự thể.

1. Tuệ: tức các chi của bốn niệm trụ, tuệ, căn, lực, trạch pháp, giác, chánh kiến.

2. Tinh tiến tức bốn chánh đoạn tinh tiến, căn lực tinh tiến, giác chi chánh tinh tiến.

3. Định: tức bốn thân tức định, căn lực định, giác chi chánh định.

4. Tín: tức tín căn lực.

5. Niệm: tức niệm căn lực, niệm giác chi, chánh niệm.

6. Dục: tức bốn thân tức.

7. Hỷ thọ: tức hỷ giác chi.

8. Khinh an: tức an giác chi.

9. Xả: tức xả giác chi.

10. Tâm: tức chánh tư duy, thực thể tức là tuệ.

11. Sắc: tức vô biểu giới, chánh ngữ, nghiệp mệnh. Trong đó; giả thực, tu pháp, phế lập, khai hợp, học nhiếp, thể chi, đối biện; thì cũng như các chú thích khác.

Kinh viết: “Không giải thoát môn không tịch thanh tịnh cú nghĩa là Bồ-tát cú nghĩa. Vô tướng, vô nguyện giải thoát môn không tịch thanh tịnh cú nghĩa, là Bồ-tát cú nghĩa”.

Tán rằng: Đây là phần thứ ba: Hạnh giải thoát môn.

Quán không, vô ngã, gọi là không.

Quán diệt, là tướng, gọi là vô tướng.

Quán khổ, tập, đạo, các pháp hữu vi không sinh ra nguyện cầu gọi là vô nguyện. Nhờ ba thứ đó mà có thể nhập được Đế lý gọi đó là môn. Thể là pháp vô lậu, lại có khả năng chứng giải thoát cho nên gọi là giải thoát.

Nếu chỉ nói không, vô tướng, vô nguyện, tức thông cả ba tuệ; định và tán, thông hữu lậu, vô lậu. Nếu nói tam muội tức chỉ tu tuệ; chỉ có

định chẳng có tán, thông hữu lậu, vô lậu. Nói giải thoát môn tức chỉ tu tuệ; chỉ có định chẳng có tán, không thông hữu lậu. Ba thứ đó hoặc chung hoặc riêng, duyên với đế như các chỗ khác đã nói. Lại nữa, trừ kiến nói là không, lìa ái gọi là vô nguyện, lìa vô minh gọi là vô tướng.

Kinh viết: “Tám giải thoát không tịch thanh tịnh cú nghĩa là Bồ-

tát cú nghĩa. Tám thắng xứ, chín thứ đệ định, mười biến xứ không tịch thanh tịnh cú nghĩa, là Bồ-tát cú nghĩa”.

Thuật rằng: Đây là phần thứ tư: Hạnh đối trị riêng biệt.

- Tám giải thoát là:

1. Nội có sắc quán các sắc.
2. Nội không sắc quán các sắc.
3. Tịnh giải thoát, thân tác chứng.
4. Không xứ.
5. Thức xứ.
6. Vô sở hữu xứ.
7. Phi tướng phi phi tướng xứ.
8. Diệt tận giải thoát.

Nghĩa là các bậc Thánh, có thể thuận vô lậu, có thể lìa các chướng; gọi là giải thoát.

- Tám thắng xứ là:

1. Nội có sắc quán ngoại sắc ít, hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc hơn hoặc kém. Với các sắc đó, thắng tri thắng kiến, đặc như thật tướng.
2. Nội có sắc, quán ngoại sắc nhiều, như ở trên đã nói.
3. Nội vô sắc tưởng, quán ngoại sắc ít.
4. Nội vô sắc tưởng, quán ngoại sắc nhiều.
5. Nội vô sắc tưởng, quán ngoại các sắc; nếu xanh thì xanh hiện, xanh hiện thì ánh sáng xanh.
6. Nội vô sắc tưởng, quán ngoại sắc vàng.
7. Nội vô sắc tưởng, quán ngoại sắc đỏ.
8. Nội vô sắc tưởng, quán ngoại sắc trắng.

Thắng phục sở duyên, gọi là thắng xứ.

- Chín thứ đệ định gồm bốn tĩnh lực, bốn vô sắc và Diệt tận định. Lần theo thứ tự thô và tế, trên và dưới.

- Mười Biến xứ: Địa, thủy, hỏa, phong, xanh, vàng, đỏ, trắng, không vô biên xứ, thức vô biên xứ. Quán khắp tất cả, lượng của nó rộng lớn, gọi là Biến xứ. Sự tăng giảm về thể tánh của những thứ đó, do ở vô lượng nghĩa môn, như đã nói ở những nơi khác.

Kinh viết: “Cực hỷ địa không tịch thanh tịnh cú nghĩa là Bồ-tát

cú nghĩa. Ly cấu địa, phát quang địa, diễm tuệ địa, cực nan thắng địa, hiện tiền địa, viễn hành địa, bất động địa, vân vô pháp thiện tuệ địa không tịch thanh tịnh cú nghĩa, là Bồ-tát cú nghĩa”.

Tán rằng: Đây là phần thứ hai, nói về thắng nghĩa vị. Trong đó có hai phần; phần đầu đại thừa vị, phần sau tam thừa vị. Đây là phần đầu. Chỉ nói về mười địa Bồ-tát trong nhân:

1. Cực hỷ địa; bắt đầu gặt được tánh thánh, chứng đủ hai không; có thể làm lợi ích cho mình và người, nên sinh ra vui lớn.

2. Ly cấu địa; có đủ tịnh giới; xa lìa những khả năng khởi hủy phạm vi tế phiền não cấu.

3. Phát quang địa; thành tựu thắng định, tổng trì đại pháp, có thể phát vô biên diệu tuệ quang.

4. Diễm tuệ địa; an trú tối thắng Bồ-đề phần pháp, đốt rụi củi phiền não, tuệ thêm sáng.

5. Cực nan thắng địa; Hai trí chơn và tục, hành tướng của chúng trái ngược nhau hợp chúng lại khiến cho tương ưng với nhau là điều cực kỳ khó khăn.

6. Hiện tiền địa; Trú vào trí duyên khởi, dẫn Bát-nhã tối thắng vô phân biệt, khiến cho hiện tiền.

7. Viễn hành địa; Đến vô tướng trụ, công dụng ở bờ sau, vượt ra ngoài đạo nhị thừa của thế gian.

8. Bất động địa; Trí vô phân biệt, nhậm vận liên tục; phiền não không thể lay động.

9. Thiện tuệ địa; Thành tựu vi diệu bốn vô ngại giải, có thể khéo thuyết pháp khắp mười phương.

10. Pháp vân địa; Mây trí đại pháp, ngậm nước nhiều đức, tề như không, thô trọng sung mãn pháp thân.

Những địa trên, đều lấy tất cả công đức của hữu vi, vô vi làm tự tánh; cùng với sự tu hành làm cho sự nương giữ càng đặc biệt, khiến được sanh trưởng, nên gọi là địa.

Kinh viết: “Tịnh quán địa không tịch thanh tịnh cú nghĩa là Bồ-tát cú nghĩa. Chủng tính địa, đệ bát địa, cụ kiến địa, bạc địa, ly dục địa, dĩ biện địa, Độc giác địa, Bồ-tát địa, Như Lai địa, không tịch thanh tịnh cú nghĩa, là Bồ-tát cú nghĩa”.

Tán rằng: Đây là phần thứ hai; nói về tam thừa vị. Trong hai địa đầu, có hai cách giải thích:

- **Cách giải thích thứ nhất là:** Tịnh quán địa ở tại giải thoát phần vị và ba thiện căn trước. Chủng tính địa chỉ ở tại pháp thế đệ nhất; cho

nên Bà Sa nói: có thuyết cho rằng chủng tính địa pháp, cũng có thể nói có sự thối lùi.

- **Cách giải thích thứ hai là:** Tịnh quán địa ở tại giải thoát phần vị, chưa là đế quán. Chủng tính chưa định; chỉ tịnh tu tâm, quán thân, thọ v.v... cho nên gọi là tịnh quán. Chủng tính địa thông ở bốn thiện căn. Trong đẳng vị, chủng tính mới định, không thể chuyển đổi.

- Đệ bát địa là Dự lưu hướng. Vì từ A-la-hán hướng số trước, tức trú kiến đạo mười lăm tâm trước.

- Cụ kiến địa là quả Dự lưu, vì vị đó có đủ mười sáu tâm.

- Bạc địa là nhất lai; vì đã đoạn dứt sáu phẩm trong chín phẩm hoặc của dục giới.

- Ly dục địa là bất hoàn; vì quyết định đã lìa hết các hoặc dục giới.

- Dĩ biện địa là A-la-hán; vì ta đã hết sinh, việc làm đã xong. Ba địa còn lại, theo tên gọi mà giải thích ý nghĩa. Trước chỉ đạt một thừa, nay thông cả thầy trò, hay dở mà nói; cho nên có mười địa khác nhau.

Kinh viết: “Tất cả Đà la ni môn không tịch thanh tịnh cú nghĩa là Bồ-tát cú nghĩa. Tất cả Tam ma địa môn không tịch thanh tịnh cú nghĩa, là Bồ-tát cú nghĩa”.

Tán rằng: Đây là phần ba, nói về sở thành đức. Vì nương vào hạnh mà nhập vị, thành đức đó. Trong ấy có tám đức, đây là đức thứ nhất, dẫn sinh các đức. Một là tổng trì môn; hai là đẳng trì môn. Ở bài tựa kinh này, trong phần đức của Bồ-tát đã có giải thích qua, đều là do hai loại dẫn sinh các đức.

Kinh viết: “Ngũ nhãn không tịch thanh tịnh cú nghĩa là Bồ-tát cú nghĩa. Lục thần thông không tịch thanh tịnh cú nghĩa, là Bồ-tát cú nghĩa”.

Tán rằng: Đây tức phần thứ hai về quán chiếu hóa sinh đức.

Ngũ nhãn là: Nhục nhãn, thiên nhãn, tuệ nhãn, pháp nhãn và Phật nhãn. Có nghĩa chiếu rõ dẫn đường gọi là nhãn.

Lục thần thông gồm thần cảnh thông; thiên nhĩ thông; tâm sai biệt thông; túc trụ tùy niệm thông; tử sinh thông; lậu tận thông. Vận chuyển tự tại gọi là thần. Việc không bị làm chướng ngại gọi là thông. Thể tánh của hai thứ đó như kinh đã nói và đã được giải thích như đối pháp thứ năm mươi bốn và đối pháp thứ sáu mươi chín trong Du già Luận quyển thứ mười bốn.

Kinh viết: “Như Lai thập lực không tịch thanh tịnh cú nghĩa là Bồ-tát cú nghĩa. Bốn vô sở úy, bốn vô ngại giải, đại từ, đại bi, đại hỷ,

đại xả, mười tám pháp bất cộng không tịch thanh tịnh cú nghĩa, là Bồ- tát cú nghĩa”.

Tán rằng: Đây là phần thứ ba về Hàng phục bất cộng Đức.

- Mười lực là:

1. Xứ phi xứ trí lực.
2. Tự nghiệp trí lực.
3. Tĩnh lực, giải thoát, đẳng trì, đẳng chí trí lực.
4. Căn thẳng liệt trí lực.
5. Chủng chủng thẳng giải trí lực.
6. Chủng chủng giới trí lực.
7. Biến thú hạnh trí lực.
8. Túc trụ tùy niệm trí lực.
9. Tử sinh trí lực.
10. Lậu tận trí lực.

Lo cho sự lợi ích mà sinh công đức tương ứng, cuối cùng thẳng phục tất cả ma oán. Có đại oai lực nên gọi là lực. Nói chung đều lấy năm căn gồm: tín,... làm tánh.

- Bốn vô úy là: 1. Chánh đẳng giác vô úy; 2. Lậu tận vô úy; 3. Chương pháp vô úy; 4. Xuất khổ đạo vô úy. Ở trong đại chúng chính là sư tử hống; Sa-môn ma phạm không thể làm khó; cho nên gọi là vô úy.

- Bốn vô ngại giải là: 1. Pháp vô ngại giải; 2. Nghĩa vô ngại giải; 3. Huấn từ vô ngại giải; 4. Biện tài vô ngại giải. Thông đạt vô ngại, gọi là vô ngại giải.

- Đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả là duyên khắp ba cõi, trùm cả bốn loài; hạnh và cảnh rộng rãi, cho nên gọi là đại. Còn các tướng từ bi đã nói như trên. Bốn vô lượng cảnh kẹt ở tại dục và sắc; thông ở ba thừa; gồm thâm giá thực quán. Những điều đó chỉ có đức Phật là đủ cảnh và hạnh, rộng khắp, thông ở ba cõi; chỉ có như vậy mới thật quán.

- Mười tám pháp bất cộng của Phật là:

1. Thân không bị sai lầm.
 2. Không chết bạo kêu la.
 3. Không quên; nhớ lâu những việc đã làm.
 4. Vô bất định tâm, thường ở tại định.
 5. Không có các tướng sinh tử Niết-bàn.
 6. Vô bất trạch xả lợi lạc.
- Sáu thứ trên do sở tri chương mà có tập đó.
7. Ý muốn không bao giờ thối lui.

8. Tinh tiến không thối lui.
9. Niệm không thối lui.
10. Định không thối lui.
11. Tuệ không thối lui.
12. Giải thoát không thối lui.

Sáu thứ trên nương sở tri chướng tu đoạn; trong tất cả các việc đó đều không thoái giảm.

13. Thân nghiệp, lấy trí đi trước dẫn đường.
14. Ngữ nghiệp, lấy trí đi trước dẫn đường.
15. Ý nghiệp, lấy trí đi trước dẫn đường.
16. Biết quá khứ.
17. Biết vị lai.
18. Biết hiện tại không sai biệt, vô ngại.

Sáu thứ trên cũng do có tập của sở tri chướng đó. Mười tám pháp trên chỉ đức Phật mới có. Nhị thừa không thể, cho nên gọi là bất cộng. Còn sự phước lập, tăng giảm các thể nghĩa môn khác thì như Du già luận đã nói.

Kinh viết: “Ba mươi hai tướng không tịch thanh tịnh cú nghĩa là Bồ-tát cú nghĩa. Tám mươi tùy hảo không tịch thanh tịnh cú nghĩa, là Bồ-tát cú nghĩa”.

Tán rằng: Đây là phần thứ tư nói về đức và tướng tốt đặc biệt khác lạ. Nay dựa theo quyển ba trăm tám mươi một của kinh đại Bát-nhã Ba-la-mật đa: Phật nói: Này Thiện Hiện! Ba mươi hai tướng đại sĩ của Như Lai ứng Chánh đẳng giác là gì? Này Thiện Hiện! Dưới chân Thế Tôn có tướng ngang đầy. Khéo léo đứng yên như đáy hộp, mặt đất tuy gồ ghề, nhưng khi đạp lên mặt chân đều tiếp xúc ngang bằng với đất đó là tướng thứ nhất,... Thiện Hiện! Đó là ba mươi hai tướng Đại sĩ. Này Thiện Hiện! Tám mươi tùy hảo của Như Lai ứng Chánh đẳng giác là gì? Này Thiện Hiện! Móng tay của Thế Tôn thuôn dài mỏng bóng láng sạch sẽ tươi tắn như hoa hồng đỏ; đó là tùy hảo thứ nhất... Thiện Hiện! Đó là tám mươi tùy hảo. Này Thiện Hiện! Như Lai ứng Chánh đẳng giác, vì thành tựu các tướng đẹp như vậy, nên tùy ánh hào quang của thân, có thể chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới, không nơi nào là không có. Nếu khi tác ý, là có thể chiếu khắp vô lượng vô biên vô số thế giới; nhưng vì thương xót các hữu tình, nên nhiếp thu lại ánh sáng chỉ còn một tâm. Vì nếu buông thả ánh sáng của thân, thì tất cả ánh sáng mặt trời mặt trăng đều không hiện rõ, các loài hữu tình sẽ không biết ngày đêm, năm tháng, ngày giờ; và những việc làm của hữu tình sẽ cũng

không thành. Âm thanh của đức Phật tự nhiên có thể biến khắp cả ba ngàn đại thiên thế giới; nếu khi tác ý, thì có thể tràn khắp vô lượng vô biên vô số thế giới, nhưng vì lợi lạc cho các hữu tình, cho nên âm thanh tùy theo lượng của mỗi chúng sanh mà không giảm không tăng. Thiện Hiện! Công đức thù thắng như vậy, trước kia khi ta còn ở Bồ-tát vị, tu hành Bát-nhã Ba-la-mật đa, đã có thể thành biện; cho nên nay tướng tốt tròn đầy trang nghiêm, tất cả hữu tình thấy được đều hoan hỷ, đều thu gặt được lợi ích thù thắng an lạc. Như vậy, Thiện Hiện! Khi Bồ-tát Ma ha tát thực hành Bát-nhã Ba-la-mật đa sâu xa, thì có thể lấy hai loại là tài và pháp bố thí để gồm thâu các hữu tình; đó là pháp rất hiếm có và kỳ lạ.

Kinh viết: “Pháp không quên mất không tịch thanh tịnh cú nghĩa là Bồ-tát cú nghĩa. Thường trụ tánh xả không tịch thanh tịnh cú nghĩa, là Bồ-tát cú nghĩa”.

Tán rằng: Đây là phần thứ năm nói về đức thường ghi nhớ bình đẳng. Nghĩa là chư Như Lai thường tùy theo sự ghi nhớ về những chuyện, những nơi chốn, thời gian,... có những việc gì đều tùy chánh niệm, phổ biến khắp tất cả những sự việc đã làm; phổ biến khắp tất cả nơi chốn khác nhau; phổ biến khắp tất cả những phương tiện đã làm; phổ biến khắp tất cả giờ giấc khác nhau; nhớ nghĩa đều không quên, thường trú chánh niệm, gọi là không quên niệm. Thường trú tánh xả, nghĩa là pháp trú sáu hằng; đối với sáu căn môn, không lo không mừng, chỉ khởi tánh xả, bình đẳng quán cảnh.

Kinh viết: “Nhất thiết trí không tịch thanh tịnh cú nghĩa là Bồ-tát cú nghĩa. Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí không tịch thanh tịnh cú nghĩa, là Bồ-tát cú nghĩa”.

Tán: Đây là giác liễu thứ sáu không hữu đức. Quán Trí tánh không trí gọi là Nhất thiết trí; tức chánh thể trí trong quán hữu trí chia ra làm hai: một là quán vô lậu đạo; và một là quán sở dư pháp tướng. Tướng là tướng khác nhau của tướng trạng tức là hậu đắc trí. Trí quán vô lậu đạo; đấy gọi là đạo tướng trí. Quán sở dư pháp gọi là Nhất thiết tướng trí; vì Nhất thiết chủng trí chia làm hai.

Kinh viết: “Tất cả hạnh đại Bồ-tát không tịch thanh tịnh cú nghĩa là Bồ-tát cú nghĩa. Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề của chư Phật không tịch thanh tịnh cú nghĩa, là Bồ-tát cú nghĩa”.

Tán rằng: Đây là hai môn thứ bảy, thứ tám, nói về nhân quả vị nhị mãn tổng đức. (Đức chung nhân và quả vĩ cả hai đã đầy). Các công đức đã nói trên, nếu ở tại nhân vị gọi là hạnh của Bồ-tát. Nếu ở tại quả vị

thì gọi là Bồ-đề của Phật. Bồ-đề nghĩa là giác. Trí Bồ-đề đó và Bồ-đề đoạn dứt tất cả, gọi chung là Bồ-đề, cho nên tất cả công đức tùy ứng hữu vi và vô vi đều nhiếp ở hai thứ đó.

Kinh viết: “Tất cả pháp dị sinh không tịch thanh tịnh cú nghĩa là Bồ-tát cú nghĩa. Tất cả pháp Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai không tịch thanh tịnh cú nghĩa, là Bồ-tát cú nghĩa”.

Tán rằng: Đây là phần thứ ba, nói chung về thế tục thắng nghĩa pháp nương vào bốn tính không tịch cú nghĩa; để hiển bày tất cả cú nghĩa có được của Bồ-tát.

Tất cả dị sinh chỉ ở tại phàm vị. Vì nghiệp phiền não mà phải luân hồi sáu cõi, bậc dị thánh sinh ra, cho nên gọi là dị sinh. Tất cả Dự lưu đều cùng là Thánh vị. Dự lưu hương hay quả, đều gọi chung là Dự lưu; không bị gián đoạn, lần lần vượt qua ba cõi, kiến đạo, hết các phiền não. Mười lăm tâm đến đều gọi là Hương; tâm thứ mười sáu gọi là Quả. Dự dòng Thánh nên gọi là Dự lưu; từ đó tiến Hương, kiến hoặc ba cõi đều đã dứt hết. Tu đạo ở dục giới, tận hết năm phẩm trước; gọi là Nhất lai Hương. Khi hết sáu phẩm gọi đó là quả. Người đó ở dục giới chỉ có một kiếp. Nếu sinh làm người tu đắc quả thứ hai; thì khi xả thân này rồi, sẽ sinh vào trong cõi trời; sau khi chết ở cõi trời lại đến sinh trong cõi người, liền đắc vô học; cho nên gọi là Nhất lai. Ngay đó tiến hương đã đoạn kiến hoặc dứt hết. Ở dục giới tu hoặc, đoạn dứt bảy, tám phẩm, gọi là Bất hoàn hương. Ở dục giới tu hoặc đều phải đoạn dứt hết, tâm không còn sinh lại ở dục giới; cho nên gọi là Bất hoàn. A-la-hán, gọi là ứng: 1. Ứng hại vĩnh viễn giặc phiền não; 2. Ứng kiếp sau không còn thọ sinh phân đoạn; 3. Ứng thọ diệu cúng dường. Kiến hoặc ba cõi đều cùng dứt hết. Từ sơ định trở lên, tất cả tu hoặc có được nhiều hay ít, cho đến phẩm tám phi tưởng, phẩm chín giải thoát, trước vô gián, có thể đoạn dứt hết, gọi là A-la-hán hương. Kiến, tu trong ba cõi đều cùng đoạn tận, gọi là A-la-hán quả. Những quả, hương, vô gián, giải thoát trên đều đúng với thuyết này.

Quán đế lý này; nếu suy tư về gió lay động cây, ngộ mười hai nhân duyên khởi, không nhờ thiện hữu mà tự đắc được Bồ-đề. Hoặc lân giác, hoặc chứng xuất, gọi là Độc giác. Đã qua mười địa địa gọi là Bồ-tát. Sau pháp vân địa, gọi là Như Lai. Đó cũng là hai mươi sáu môn ban đầu, nói rõ về thế tục thắng nghĩa pháp, chỗ nương theo bốn tính không tịch thanh tịnh cú nghĩa, để hiển bày tất cả cú nghĩa của Bồ-tát.

Kinh viết: “Tất cả pháp thiện và phi thiện không tịch thanh tịnh

cú nghĩa là Bồ-tát cú nghĩa. Tất cả pháp hữu ký vô ký, pháp hữu lậu vô lậu, pháp hữu vi vô vi, pháp thế gian xuất thế gian không tịch thanh tịnh cú nghĩa, là Bồ-tát cú nghĩa”.

Tán rằng: Thuận lý ích vật, gọi đó là thiện, thông, hữu vi vô vi. Trái ngược với đó gọi là phi thiện. Bất thiện vô ký, tự thể thù thắng, và có quả đáng để ký riêng, gọi đó là ký. Tức thiện bất thiện ngược lại với đó gọi là vô ký. Tăng trưởng, tương ứng, tương tạc, tương tùy với lậu phiền não gọi là hữu lậu. Lậu nghĩa là rò chảy; chảy ra ở cửa sáu căn, cho nên hủy hoại, gọi là Lậu. Vô lậu thì ngược lại. Vì đó mà nói, làm cũng gọi là sinh, có làm có sinh, gọi là hữu vi, ngược lại gọi là vô vi. Thế, Dụng hiển hiện, đời đời gọi là Thế. Rơi vào trong hư giả gọi là vi gian; ngược lại với đó, gọi là xuất thế gian. Những sai biệt đó nương vào bốn tính chơn như không tịch thanh tịnh cú nghĩa, để hiển bày tất cả cú nghĩa của Bồ-tát, vì vọng tức chơn, vì tánh tức tướng.

Kinh viết: “Nguyên do là gì?”

Tán rằng: Đây là phần thứ hai của toàn văn, giải thích nguyên do. Trong đó có hai phần; trước hỏi sau giải thích. Đây là phần hỏi, có nghĩa là: Cú pháp thanh tịnh cú nghĩa đó, tức là tất cả cú nghĩa Bồ-tát, nguyên do nghĩa đó là sao?

Kinh viết: “Vì tất cả pháp, tự tính là không, tự tính viển ly”

Tán rằng: Phần sau sẽ giải thích nguyên do Như Huyền. . . thế tục vọng có thắng nghĩa. Biết không, cho nên nói các pháp không tịch cú nghĩa, chính là tất cả cú nghĩa có được của Bồ-tát. Cho nên nói các pháp tự tính không, để giải thích nguyên do trên. Vì muốn hiển phát Bát-nhã tôn thắng; nên lấy tự tính không để giải thích những viển ly, bởi thắng nghĩa của các pháp, tự tính không, vô tính đó; cho nên lìa xa tướng điên đảo hư vọng.

Kinh viết: “Do lìa xa, cho nên tự tính tịch tĩnh. Do tịch tĩnh, cho nên tự tính thanh tịnh; do thanh tịnh, cho nên Bát-nhã Ba-la-mật đa sâu xa tối thắng thậm thâm”.

Tán rằng: Sinh tử hiếu phiền, chơn như tịch tĩnh, cho nên đều do ở viển ly. Tự tính cũng tịnh. Phiền não có nhiễm tính không thanh tịnh, cho nên nhờ tịch tĩnh mà hiển bày thể thanh tịnh. Ý đó nói chung là do tất cả pháp tự tính không, cho nên không tịch cú nghĩa, là tất cả cú nghĩa của Bồ-tát. Các pháp đã là không, cho nên lìa hư vọng; lìa hư vọng, thì thể không lay động, cho nên tính tịch tĩnh. Đã không có lay động, tự tính không tịch, nên không ô nhiễm, tự tính thanh tịnh. Tự tính thanh tịnh thì hiển bày Bát-nhã tối thắng thanh tịnh. Quán chiếu Ngộ thì bốn tính

đó thanh tịnh, chân tướng tự thể xưa nay vốn thanh tịnh. Cho nên văn tự ngang bằng với sự thâm thâm của Bát-nhã tối thắng thanh tịnh. Hai Ngài Thanh Biện và Hộ Pháp đều giải thích là tùy ứng.

Kinh viết: “Nên biết Bát-nhã Ba-la-mật đa như vậy, tức là Bồ-tát cú nghĩa. Các chúng Bồ-tát đều nên tu học”

Tán rằng: Đây là phần thứ ba, kết khuyến tu học. Văn tự Bát-nhã tức Bồ-tát cú nghĩa. Cầu cái đó, học cái đó, gọi là cú. Bốn Bát-nhã còn lại gọi là Bồ-tát nghĩa. Vì sự dạy dỗ khuyến bảo của Bồ-tát là bốn thứ Bát-nhã đó. Đã thành Bồ-tát là nhờ ở năm thứ Bát-nhã ấy. Năm thứ Bát-nhã ấy tức là nghĩa năng thuyết và sở thuyết của Bồ-tát. Chư Bồ-tát ở hạ vị và trung vị, mong tiến lên thượng vị phải siêng năng tinh tấn học năm thứ đó.

Kinh viết: “Phật thuyết pháp thanh tịnh Bồ-tát cú nghĩa Bát-nhã lý thú như vậy rồi”.

Tán rằng: Đây là phần thứ ba kể về đức của pháp môn Phật đã thuyết. Trong ấy gồm có hai: Phần đầu tóm kết nghĩa trên để phát khởi đầu kinh; phần sau bảo cho biết đức của những điều được thuyết. Đây là phần đầu.

Kinh viết: “Nói với Bồ-tát kim cang thủ: Nếu có người nghe được “Nhất thiết pháp thâm thâm vi diệu Bát-nhã lý thú thanh tịnh pháp môn” này mà tin thọ sâu xa, cho đến đang ngồi ở tòa diệu Bồ-đề, thì tất cả chướng phiền não đều không thể nhiễm! Nghĩa là, tuy tích tập nhiều phiền não chướng, nghiệp chướng, pháp chướng nhưng không thể nhiễm. Tuy đã tạo nhiều loại ác nghiệp cực nặng, nhưng vẫn dễ tiêu diệt, không bị đọa cõi ác”.

Tán rằng: Trong đó lại chia làm hai phần; phần đầu nói về quả thọ nhận khi nghe kinh và tin sâu. Phần sau nói về các quả khi siêng năng thọ trì. Sở dĩ chỉ nói kim cang thủ là vì muốn cho hữu tình nhậm trì đại trân bảo của tất cả chư Phật.

Văn nghĩa là nghe. Tín nghĩa là thuận theo. Thọ nghĩa là lãnh nhận. Trân trọng cúng dường cung kính gọi là thâm. Ý đó là hiển bày chung về nghe, tin, nhận, trân trọng; bắt đầu từ hôm nay cho đến Bồ-đề, ba chướng và năm cái đều không thể nhiễm. Cái là ngũ cái; đó là tham muốn về lạc khi ở xuất gia vị; sân nhuế về giác khi ở tà hạnh vị; hôn trầm thụy miên trạo cử làm ác và cùng nghi cái đối với chỉ, cử, xả vị; có thể che lấp tâm, gọi đó là cái.

Chướng là chướng ngại, là chướng đạo chẳng sinh, ngại diệt chẳng chứng, những thứ ấy có ba loại kinh văn ghi chép; trong tiểu thừa cho

phiền não khó chế phục, khó trừ bỏ; gọi là phiền não chướng. Các tội ngũ nghịch như giết cha,... gọi là nghiệp chướng; hợp cả ba cõi ác, cõi người Bắc châu cho đến cõi trời vô tướng; gọi là dị thực chướng; nhưng lại không thấy nói về pháp chướng. Nay ở đây giải thích rằng những Hoặc làm chướng ngại giải thoát gọi là phiền não chướng.

Kinh Tát Già Ni kiền Tử cho rằng: Phá hoại chùa tháp... thành tội ngũ nghịch. Kinh Tượng Pháp Quyết Nghi thì nói có bảy tội nghịch, nhưng không khác với năm loại mà Kinh Ni Kiền đã nói và gọi là nghiệp chướng. Nói về pháp chướng thì Dị thực chướng ở trên cũng gọi là pháp chướng cảm mà để lại pháp nghiệp, gọi là pháp chướng. Hoặc kiếp trước làm chướng ngại chánh pháp, ảnh hưởng đến người khác tu định, không trồng các hạt giống nghe pháp, cho nên kiếp này với pháp, không nghe, không tin, không ngộ, gọi là pháp chướng. Tập nghĩa là làm; tích nghĩa là tích tạo. Tuy tích tập nhiều nhưng không bị nhiễm gọi là do hiểu được pháp không, không vui với sinh tử. Tuy khởi phiền não, nghiệp nặng chướng pháp; nhưng nhờ oai lực của kinh mà không bị nhiễm. Nhiễm là nhiễm ố; làm cho cảm với quả khổ, gọi là nhiễm. Lại nữa, tuy làm nhiều thứ ác nghiệp cực nặng; nhưng do thể tánh của nó là không, phiền não cũng không kiên cố, nên dễ tiêu diệt, cho nên không rơi vào cõi ác. Nghiệp đã dễ mất thì quả ác làm sao mà khởi! Do pháp tánh không, thể hội thật lý các pháp, soi rọi, ba chướng mới bị tiêu diệt.

Kinh viết: “Nếu có thể thọ trì, ngày ngày đọc tụng chuyên cần không gián đoạn, như lý tư duy; thì người đó kiếp này, chắc chắn đạt được tính bình đẳng của tất cả pháp, kim cang đẳng trì, đối với tất cả pháp đều đắc tự tại, thường thọ nhận tất cả thắng diệu hỷ lạc”.

Tán rằng: Đây nói về các quả siêng năng thọ trì. Nói thọ trì là yêu thích, trân trọng, lãnh nhận ở nơi tâm, giữ gìn chẳng quên. Ví như nhớ con, thì ở tâm không thể nào quên.

“Ngày ngày đọc” là đọc văn. “Tụng” là nói thâm.

Tinh là chuyên tinh. Cần là thân tâm cố gắng ngày đêm sáu thời không gián đoạn. Như lý thú đó mà tư duy đúng đắn, thì người đó trong kiếp này, hiện rõ báo quả; chắc chắn đạt được tính bình đẳng của tất cả pháp và lý chân như.

Kim cang đẳng trì: Đẳng trì là định; kim cang là dụ. Có thể phá những phiền não, phân biệt chấp trước tướng; đó là quán tất cả pháp đều bình đẳng, tính chơn như, lý không; tất cả đẳng trì (định) có thể phân biệt phá tan các chấp tướng điên đảo, gọi là kim cang. Lại nữa,

lý chân như cũng gọi là kim cang. Duyên với định đó, gọi là kim cang đẳng trì. Nghĩa là có thể thọ trì. Tâm, tâm không quên, ngày ngày đọc tụng, tinh cần tư duy pháp tính như vậy, nên đắc được định đó. Phải khởi thắng tuệ, phá các phân biệt điên đảo chấp trước về tướng; thời nay chứng kim cang đẳng trì đó. Văn tự trong vị tương ứng với định. Ở đây có năm loại pháp hạnh: Nghe, thọ trì, đọc, tụng, tư duy. Ngoài ra năm pháp: Ghi chép, cúng dường, cho người khác, khai diễn, tu hành; cũng góp phần hỗ trợ việc hiển bày, nhưng không nói ở đây. Thật ra thực hành mười pháp hạnh đó cùng đắc được quả ấy. Đọc tụng còn đắc, huống nữa là có thể diễn thuyết và tu hành! Với tất cả pháp đều đắc tự tại; chưa là thể chơn không thì lý sự đều bị che lấp. Thể hội với chơn, soi xa với lý đã thông, nên đắc tự tại. Tự tại nghĩa là vô ngại.

“Thường thọ nhận tất cả thắng diệu hỷ lạc”; nghĩa là chấp trước pháp thì có âu lo có hờn giận; đối với chơn thì hiểu không, đối với tục thì thể vọng. Đã không còn lo âu sợ hãi, nên thường được thọ nhận diệu hỷ lạc; vì đã nghe được pháp tính, vui mừng chân thực, chưa từng đắc được!

Kinh viết: “Sẽ trải qua mười sáu đời đại Bồ-tát, thì nhất định đắc

Như Lai, nhậm trì kim cang tính, mau chóng chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ-đề”.

Tán rằng: Thế Tôn tự thuyết, người khéo tu thân tức có thể trú một kiếp hoặc hơn một kiếp.

Bồ-tát mười sáu đại sinh; tức phải mười sáu kiếp.

Kim cang tính; là chơn như tính, có thể phá tan lỗi lầm sinh tử, gọi là kim cang.

Thể của các pháp gọi là tính.

Chấp nghĩa là thọ nhận; chính mình nhậm trì nó nên gọi là chấp; tức là chính thể trí có thể duyên, với không; hoặc chấp giữ tính của kim cang chính là chơn như; vì phải trải qua mười sáu đời mới đắc chơn tính đó. Bởi thực hành các pháp hạnh của kinh này nên có thể vượt khỏi sinh tử, không cần phải trải qua tăng kỳ kiếp, chỉ qua mười sáu kiếp, liền nhập sơ địa. Vì cái lý về thật tướng trong kinh này nói, có đại thân nghiệm, nghe pháp này, nên siêu sinh tử vô biên kiếp lượng; đã vậy, cho nên có thể mau chóng chứng Vô thượng Bồ-đề. Trong đó nói: Hiện tại chắc chắn đắc kim cang đẳng trì; đối với pháp được tự tại; thọ nhận sự hỷ lạc đặc biệt; những chương kiếp sau đều không thể nhiễm; không đọa cõi ác; đắc tính kim cang; mau chóng đắc Bồ-đề... đều là nhờ ở lực của kinh.

Bát-nhã Lý Thú phân sơ.